

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

ĐỜI SỐNG
CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ
CAO ĐÀI

Sơ yếu

HIỂN-TÀI NGUYỄN LONG THÀNH

NĂM GIÁP DẦN
1974

Ebook được làm theo **ẤN-BẢN** phổ biến trên Website của **DAOCAODAI.INFO**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HIỂN-TÀI NGUYỄN LONG THÀNH, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngỏ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 28/02/2013

Tâm Nguyễn

ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ CAO ĐÀI

Soạn Giả: **Hiền-Tài NGUYỄN LONG THÀNH**

MỤC LỤC

❖ ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI	11
▪ XIN CHÂN THÀNH TRI ÂN	13
▪ LUẬT PHÁP ĐẠO.....	15
I- Giới Luật Cấm Răn.....	16
NGŨ GIỚI CẤM.....	16
TỨ ĐẠI ĐIỀU QUI.....	17
II- Pháp Chánh Truyền	18
1. Nguồn Gốc.....	18
2. Nội Dung - Đặc Điểm	18
3. Chú Giải Của Đức Hộ Pháp Về Pháp Chánh Truyền	20
III- Bộ Tân Luật	20
1. Nguồn Gốc.....	20
2. Thủ Tục Dâng Luật	21
3. Nội Dung.....	23
4. Ai Có Quyền Lập Luật Và Phá Luật.....	24
▪ TỜ KHAI ĐẠO	25
I- Ai Đứng Tên Trong Tờ Khai Đạo	25
II- Ý Nghĩa Và Nội Dung.....	25
III- Nguyên Văn Tờ Khai Đạo Bằng Pháp Ngữ.....	26
BẢNG DỊCH TỜ KHAI ĐẠO	29
▪ BA CON ĐƯỜNG THĂNG TIẾN	33
I- Con Đường Thứ Nhất	33
II- Con Đường Thứ Hai	34
III- Con Đường Thứ Ba.....	35

▪ LỜI THỆ CỦA CHỨC VIỆC	37
▪ LỜI CẦU NGUYỆN HÀNG NGÀY	39
I- Nội Dung	39
II- Bí Pháp Cầu Nguyện	40
III- Thể Thức Áp Dụng Kinh Thế Đạo	42
▪ CẦU NGUYỆN TRONG VIỆC LÀM ĂN	45
I- Nội Dung	45
II- Quan Niệm Thần Linh	46
▪ CẦU NGUYỆN TRONG VIỆC HỌC HÀNH THI CỬ	53
▪ CÚNG TỬ THỜI	59
I- Bí Pháp Cúng Tử Thời	60
II- Đọc Kinh Cầu Lý	61
1. Ý Nghĩa	61
2. Các Hình Thức Cầu Lý	62
▪ SỨ MẠNG TRUYỀN GIÁO	65
I- Sứ Mạng Cá Nhân	65
II- Phương Tiện Giáo Quyền	66
▪ XÉT CẦU MINH THỆ	69
I- Phép Xét Minh	69
II- Ý Nghĩa Nội Dung Lời Minh Thệ Nhập Môn	70
III- Không Nhập Môn, Tu Đạng Chẳng	72
▪ LỜI KHẨN KHI HẤP HỒI	75
▪ TANG LỄ	79
I- Ý Nghĩa Sự Chết	79
II- Thờ Cúng Tổ Tiên	81
III- Nghi Thức Tang Lễ	82

IV- Phép Độ Thặng	84
V- Tuần Cửu Cúng Giỗ.....	85
▪ KẾT LUẬN.....	89
❖ PHỤ LỤC	91
▪ VÀI NÉT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ NGUYỄN LONG THÀNH (1942–1998)	93
1. Phân xã hội:	97
2. Phân Đạo:.....	97
3. Phân tâm linh:	99
▪ HIỂN TÀI NGUYỄN LONG THÀNH (1942–1998)	101



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI ĐỆ TỬ CAO ĐÀI

- Xin Chân Thành Tri Ân
- Luật Pháp Đạo
- Tờ Khai Đạo
- Ba Con Đường Thăng Tiến
- Lời Thể của Chức Việc
- Lời Cầu Nguyện Hằng Ngày
- Cầu Nguyện Trong Việc Làm Ăn
- Cầu Nguyện Trong Việc Học hành Thi Cử
- Cúng Tứ Thời
- Sử Mạng Truyền Giáo
- Xét Câu Minh Thệ
- Lời Khẩn Khi Hấp Hối Tang Lễ
- Tang Lễ
- Kết Luận

XIN CHÂN THÀNH TRI ÂN

XIN CHÂN THÀNH TRI ÂN

NÀI BÁO Đạo Hồ Tấn Khoa và quý vị chức sắc trong Ban Kiểm Duyệt kinh sách Tòa Thánh Tây Ninh đã giúp chúng tôi nhiều ý kiến xây dựng, bổ khuyết những chỗ thiếu sót.

Hiền Huynh Lê Sanh Ngọc Hồng Thanh và bạn Nguyễn Thành Luông đã soạn thay chúng tôi chương nói về việc thờ cúng.

LUẬT PHÁP ĐẠO

TĂN BẢN về luật pháp đạo của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ có hai phần chính là Pháp và Luật.

– PHÁP là **Pháp Chánh Truyền**, bất di bất dịch, do Đức Chí Tôn chỉ dạy từ buổi mới mở Đạo. Đây là một văn kiện qui định các phẩm vị, quyền hạn, bốn phạm, đạo phục của chức sắc. Về sau Đức Hộ Pháp có chú giải thêm nhiều chi tiết rõ ràng hơn, viết thành quyển “*Pháp Chánh Truyền chú giải*”. Lời chú giải này đã được Đức Lý Đại Tiên chỉnh lại.

– LUẬT là **Tân Luật** và **Đạo Luật**. Tân Luật đã được Hội Thánh lập thành và Đức Chí Tôn phê chuẩn từ năm 1927. Năm Mậu Dần (1938) quyển Vạn Linh có lập thêm bộ luật nữa gọi là Đạo Luật ban hành ngày Rằm tháng Giêng năm ấy.

Ngoài ra Đức Lý Giáo Tông và Đức Hộ Pháp còn ký ban hành sáu Đạo nghị định nữa vào năm 1930, và hai Đạo nghị định nữa vào năm 1934, cộng chung là tám Đạo Nghị Định thường gọi là “*Bát Đạo Nghị Định*”.

Bốn phạm của người tín đồ là phải tuân theo luật pháp Đạo và bảo vệ luật pháp ấy để cho đời sống chung trong tôn giáo khỏi bị rối loạn. Chi tiết về các điều luật có đầy đủ trong các quyển:

- **PHÁP CHÁNH TRUYỀN CHÚ GIẢI.**
- **TÂN LUẬT.**
- **BÁT ĐẠO NGHỊ ĐỊNH.**
- **ĐẠO LUẬT MẬU DẪN** (1938).

Tôi chỉ xin ghi lại nơi đây những điều luật căn bản mà bất kỳ người tín đồ nào cũng phải gìn giữ.

I- GIỚI LUẬT CẤM RĂN

NGŨ GIỚI CẤM

Là năm điều cấm, nếu phạm vào tùy theo nặng nhẹ có thể bị phạt từ hình thức cảnh cáo quì hương, sám hối, đến bị ngưng quyền chức từ một đến ba năm (Chương IV. Tân Luật)

NĂM ĐIỀU CẤM ẤY LÀ:

1) NHỨT BẤT SÁT SANH: là chẳng nên sát hại sanh vật.

2) NHÌ BẤT DU ĐẠO: là cấm trộm cướp, lấy ngang, lường gạt của người, hoặc mượn vay không trả, hoặc chứa đồ gian, hoặc mượn lấy của rơi, hoặc sanh lòng tham của quấy, để ý hại người mà lợi cho mình, cờ bạc gian lận.

3) TAM BẤT TÀ DÂM: là cấm lấy vợ người, thả theo đàn điếm, xúi giục người làm loạn luân thường, hoặc thấy sắc dậy lòng tà, hoặc lấy lời gieo tình huê nguyệt (vợ chồng không gọi là tà dâm).

4) TỨ BẤT TỬU NHỤC: là cấm say mê rượu thịt, ăn uống quá độ, rối loạn tâm thần, làm cho não động xóm làng, hoặc miệng ước rượu ngon, bụng mơ đồ mỹ vị.

5) NGŨ BẤT VỌNG NGŨ: là cấm xảo trá láo xược, gạt gẫm người, khoe mình, bày lỗi người, chuyện quấy nói phải, chuyện phải thêu dệt ra quấy, nhạo báng, chê bai, nói hành kẻ khác, xúi giục người hờn giận, kiện thưa xa cách, ăn nói lỗ măng, thô tục, chưởi rửa người, hủy báng tôn giáo, nói ra không giữ lời hứa.

TỨ ĐẠI ĐIỀU QUI

Là bốn qui điều lớn buộc phải tuân theo:

1) Phải tuân lời dạy của bề trên, chẳng hổ chịu cho bực thấp hơn điều độ. Lấy lễ hòa người. Lỡ làm lỗi phải ăn năn chịu thiệt.

2) Chớ khoe tài, đừng cao ngạo, quên mình mà làm nên cho người. Giúp người nên Đạo. Đừng nhớ cừu riêng, chớ che lấp người hiền.

3) Bạc tiền xuất nhập phân minh, đừng mượn vay không trả. Đối với trên, dưới đừng lờn dễ, trên dạy dưới lấy lễ, dưới gián trên đừng thất khiêm cung.

4) Trước mặt sau lưng cũng đồng một bực, đừng kính trước rồi khi sau. Đừng thấy đồng đạo tranh đua ngôi mà xem không để lời hòa giải, đừng lấy chung làm riêng, đừng vụ riêng mà bỏ việc chung. Pháp luật phải tuân, đừng lấy ý riêng mà trái trên dễ dưới. Đừng cậy quyền mà yếm tài người. Nếu phạm vào một trong bốn điều qui này sẽ bị hình phạt thuyên bố đi nơi khác chỗ mình đang hành đạo. Luật pháp Đạo tuy có nghiêm khắc thật, nhưng đó là phương pháp để kiềm chế, sửa trị phạm tâm của chúng ta rất hữu hiệu. Chưa ai có thể bước chân vào lòng Thánh Điện mà không mang theo những vết nhơ bẩn trên người.

Ấy vậy phải thường xuyên xét mình mới tránh khỏi lỗi lầm đáng tiếc.

II- PHÁP CHÁNH TRUYỀN

1. NGUỒN GỐC

Pháp chánh truyền là bản văn qui định một cách tổng quát cách thức tổ chức và điều hành tôn giáo Cao Đài, ấn định các phẩm tước, quyền hạn, trách nhiệm, luật công cử của chức sắc các cấp trong Hội Thánh.

Đó là những bài Thánh giáo do Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giảng cơ truyền dạy ngày 20-11-1926 về Cửu Trùng Đài, ngày 13-2-1927 về Hiệp Thiên Đài và bài Thánh giáo do Đức Lý Thái Bạch dạy về Nữ phái, đồng tử thông công là Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và Đức Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư.

2. NỘI DUNG - ĐẶC ĐIỂM

Nội dung Pháp Chánh Truyền có ba đặc điểm chính:

a. Không thay đổi

Bởi nguồn gốc Thiêng Liêng của nó không ai có quyền thay đổi bất cứ điều khoản nào trong Pháp Chánh Truyền, khi viết bản pháp chánh truyền Cửu Trùng Đài Đức Chí Tôn đã lập lại bảy lần mệnh lệnh của Ngài.

“**Chư môn đệ tuân mạng!**” thì đủ rõ tính chất hệ trọng là dường nào.

b. Số chức sắc có giới hạn.

Tổng số chức sắc Cửu Trùng Đài nam phái cầm

quyền hành chánh đạo trên toàn thế giới được ấn định 3115 vị cho 6 cấp từ Giáo Hữu đến Giáo Tông kể ra như sau:

- Giáo Tông..... 01
- Chương Pháp 03
- Đầu Sư..... 03
- Phối sư 36
- Giáo sư..... 72
- Giáo Hữu 3000

Riêng cấp Lễ Sinh không giới hạn túc số. Dĩ nhiên trong số 3115 vị này không kể những vị hồi hưu, hàm phong hay bị kỷ luật ngưng quyền.

Số chức sắc Nữ phái không giới hạn.

c. Qui Tam Giáo hiệp Ngũ Chi.

Đức Chí Tôn dạy lập Đạo Cao Đài với tôn chỉ qui nguyên Tam Giáo (Phật, Lão và Nho Giáo), hiệp nhưt ngũ chi (Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo, Phật Đạo) có nghĩa là tổng hợp các triết lý, nghi lễ, hình thức, tổ chức sinh hoạt của các nền đạo giáo chính đã có trên toàn cầu, xác định lại tất cả các đạo giáo đều có cùng một nguồn gốc là Thượng Đế và các vị giáo chủ là người thay mặt Ngài giáo dân vi thiện.

Ngài chọn lấy tinh hoa của các đạo giáo tổng hợp lại và lập thành đạo Cao Đài. Vì vậy về phương diện tổ chức Đạo Cao Đài là một tôn giáo mới có một nền triết lý tổng hợp của các tôn giáo. Qui Tam Giáo hiệp Ngũ Chi không phải là tổ chức thành một hiệp hội của nhiều tôn giáo.

Tinh thần tổng hợp là gom lại làm một, nên trong Pháp Chánh Truyền không có điều khoản nào cho phép

sự phân chia Đạo Cao Đài thành nhiều chi phái, nhiều Hội Thánh hoạt động riêng lẻ. Đức Chí Tôn lập một Đạo Cao Đài cho toàn thể các sắc dân trên thế giới và chỉ có một Giáo Tông cầm quyền gọi là Anh cả.

3. CHÚ GIẢI CỦA ĐỨC HỘ PHÁP VỀ PHÁP CHÁNH TRUYỀN

Tuân theo Thánh ý của Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc đã chú giải từng câu từng chữ trong bản Pháp Chánh Truyền cho rõ nghĩa, viết thành bản “*Pháp Chánh Truyền chú giải*” đầy đủ chi tiết về sự phân quyền giữa ba đài Bát Quái, Hiệp Thiên, Cửu Trùng, về quyền hạn Đạo Phục, luật công cử của từng phẩm chức sắc cho cả Nam và Nữ.

Trong Đạo Nghị Định thứ sáu ngày 3-10 Canh Ngọ (1930) Đức Lý Giáo Tông có nói rõ “*Nghĩ vì Pháp Chánh Truyền Lão đã dạy Hộ Pháp chú giải chẳng thi hành từ thử làm cho Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài phản khắc Đạo quyền gây nên rối loạn chánh giáo Đức Chí Tôn...*”.

Trong lời chú giải ở nhiều đoạn Đức Hộ Pháp đã cho ghi lại nguyên văn những lời Thánh Giáo Đức Chí Tôn giảng bút chỉ dạy thêm về Pháp Chánh Truyền.

III- BỘ TÂN LUẬT

1. NGUỒN GỐC

So với cựu luật của các tôn giáo đã có từ trước, bộ luật của Đạo Cao Đài mới được thành lập nên gọi là TÂN LUẬT.

Sau khi ban hành Pháp Chánh Truyền phong chức

cho chức sắc, Đức Chí Tôn dạy Hội Thánh phải lập TÂN LUẬT để tu hành. Ngài dạy các chức sắc cao cấp Cửu Trùng Đài soạn dự thảo luật đệ trình trước Hội Thánh để bàn thảo và sửa đổi xong sẽ đệ trình lên Giáo Tông.

Ngày 20-11 Bính Dần (1926) Đức Chí Tôn giảng cơ dạy về sự cần ích của Tân Luật như sau:

“Thầy tỏ thật cái luật lệ Thầy khiến các con hiệp chung trí mà lập thành đây nó có ảnh hưởng về đạo đức Tiên phong Phật sắc của các con nên Thầy buộc mình cam chịu vậy. Chẳng luật lệ thì là trái phép mà trái phép thì làm thế nào vào Bạch Ngọc Kinh cho đặng.

Vậy các con gắng làm phận sự cho hoàn toàn rồi có Thái Bạch giảng cơ sửa luật”.

2. THỦ TỤC DÂNG LUẬT

Sau khi hoàn tất bản dự thảo bộ Tân Luật lần đầu tiên các chức sắc cao cấp Hội Thánh Cao Đài được Đức Lý Giáo Tông giảng dạy về thủ tục dâng luật như sau:

Xin trích một đoạn trong Pháp Chánh Truyền chú giải.

«Lại nữa buổi ba vị Chánh Phối Sư dâng luật, Hộ Pháp và Thượng Phẩm phò loan cho Đức Giáo Tông giảng sửa (13-12 Bính Dần) Ngài có truyền dạy ba vị Đầu Sư và Chương Pháp phải ngự trên ngai đoạn đòi ba vị Chánh Phối Sư vào hành lễ rồi kêu Chánh Phối Sư Thượng Tương Thanh mà dạy rằng:

“Hiền hữu coi Lão hành sự đây mà bắt chước”. Ngài lại dạy ba vị Chánh Phối Sư mỗi người phải dâng luật thế nào cho đủ sáu bàn tay nâng luật ấy, chẳng nên cho hở đặng

dâng lại cho Đâu Sư. Đâu Sư cũng phải cho đủ sáu tay mà dâng lên cho Chương Pháp rồi Chương Pháp cũng phải đủ sáu tay mà dâng lên cho Ngài.

Khi ấy Ngài dạy phải đi ngay lên Đại Điện đưa qua khỏi đầu Hộ Pháp và Thượng Phẩm, Ngài hạ Ngọc Cơ xuống dưới đặng đi qua cho khỏi Ngài nữa.

Hay.....⁽¹⁾

Chương Pháp tiếp luật rồi lại đưa ngay qua khỏi đầu Khương Thái Công và Thánh Chúa Jésus nữa. Sau Hộ Pháp có để lời than cùng Thầy về điều ấy thì Thầy cười mà phán dạy rằng.

“Mắc Tiên vị của Thái Bạch còn ở dưới Thích Ca, Khổng Tử và Lão Tử bằng chẳng vậy thì bộ luật cũng đi ngang qua đầu các Đấng ấy nữa vì nó là Thiên Điều đó con”»⁽²⁾.

Khi dâng luật Ngài lại giải thích ấy là cơ vô vi Tinh Khí Thần hiệp nhứt nếu cả ba chẳng hiệp thì chẳng hề thành Đạo đặng.

Về phương diện hữu hình qua nghi thức ấy chúng ta thấy Thánh ý Đức Chí Tôn buộc cả chức sắc Thiên Phong thuộc ba phái Thái Thượng Ngọc phải chung tâm hiệp trí với nhau trên bước đường hành Đạo và phải tòng luật pháp Đạo mới thành công đặng. Đức Thích Ca Mâu Ni khi thuyết về Di Lạc Chơn kinh cũng có dạy:

“Tòng thị pháp điều Tam Kỳ Phổ Độ tất đắc giải thoát”.

(1). Ấy là lời khen của Đức Lý Giáo Tông.

(2). Cười... Cái giá trị của Tân Luật đường đó, mà cả Hội

Thánh coi rẻ rúng chẳng kể, làm cho Lão phải từ ngôi Giáo Tông, đặng lấy Thiên Điều khảo tội. Ôi thôi! Biết bao kẻ bị đọa lạc vào Phong đô, vì đó.

3. NỘI DUNG

Gồm ba phần: Đạo pháp, Thế luật và Tịnh thất.

a. Về Đạo pháp: 8 chương, 32 điều

- **CHƯƠNG 1:** nói về quyền hạn, trách nhiệm, luật công cử của các hàng phẩm chức sắc Cửu Trùng Đài.
- **CHƯƠNG 2:** về người giữ Đạo, thủ tục nhập môn, trai giới hai bậc Hạ thừa và Thượng thừa.
- **CHƯƠNG 3:** về việc lập họ Đạo, cách cúng kiến tại Thánh Thất địa phương.
- **CHƯƠNG 4:** về ngũ giới cấm.
- **CHƯƠNG 5:** về tứ đại điều qui.
- **CHƯƠNG 6:** về giáo huấn.
- **CHƯƠNG 7:** về hình phạt. Hội Công Đồng Tòa Tam Giáo
- **CHƯƠNG 8:** về việc ban hành luật pháp.

b. Về Thế luật: gồm 24 điều

Qui định các bốn phận phải đối xử với nhau giữa người đồng đạo trong sinh hoạt quan hôn tang tế.

c. Về Tịnh thất: gồm 8 điều.

Cách tổ chức và sinh hoạt nhà tịnh.

4. AI CÓ QUYỀN LẬP LUẬT VÀ PHÁ LUẬT

Qua Pháp Chánh Truyền chúng ta nhận thấy

- Giáo Tông và Đâu Sư có quyền lập luật.
- Đâu Sư có quyền phá luật.
- Giáo Sư, Giáo Hữu có quyền xin chế giảm luật lệ.

TỜ KHAI ĐẠO

I- AI ĐỨNG TÊN TRONG TỜ KHAI ĐẠO

Tờ khai đạo được viết bằng Pháp Ngữ gửi cho quan Thống Đốc Nam Kỳ LeFol ngày 07-10-1926 do 28 người đại diện ký tên kèm theo danh sách 247 người nữa đứng tên trong Tịch Đạo tức là danh sách những người tín đồ khai báo đầu tiên với chính quyền để làm yếu tố pháp lý cho sự thành hình của một tôn giáo mới.

Bản văn này do Ngài Thượng Trung Nhật soạn thảo. Đặc biệt quan phủ Ngô Văn Chiêu mặc dù là môn đệ đầu tiên được Đức Chí Tôn độ rồi bằng huyền diệu không đứng tên chung trong danh sách 28 người đại diện này. Từ tháng 4-1926 Ngài Ngô Văn Chiêu đã tách rời ra khỏi sinh hoạt của nhóm cầu cơ do quý Ngài Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang dẫn đầu.

II- Ý NGHĨA VÀ NỘI DUNG

Ý nghĩa tờ khai Đạo là một bản tuyên ngôn về sự thành lập một nền tôn giáo mới tại Việt Nam. Nó không mang ý nghĩa của một đơn xin phép mà chính quyền Pháp có quyền cho hay là bác bỏ, nếu cho thì Đạo Cao Đài thành hình không cho thì Thượng Đế đành bất lực. Thượng Đế đã dùng huyền diệu cơ bút đến khai mở một nền Đạo mới để dìu dẫn bước đi của con cái Ngài là toàn

cả nơn loại và những môn đệ đầu tiên của Ngài có bốn phận phải thông truyền với nhà cầm quyền tại Việt Nam buổi ấy vì đó là vấn đề an ninh trật tự trong tổ chức xã hội loài người.

Nội dung tờ khai đạo gồm 4 điều chính:

3. Từ xưa dân tộc Việt Nam vẫn sùng bái cả ba nền tôn giáo là Phật, Lão và Nho giáo.
4. Xã hội ngày nay mất đi cảnh thái bình nguyên nhân do người hành đạo canh cải, làm thất chơn truyền và lòng người sống xa rời tôn chỉ quý báu của Tam giáo.
5. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế giáng cơ dạy phải hiệp Tam giáo lại lập thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ còn gọi là Đạo Cao Đài ý nghĩa là đại ân xá lần thứ ba của Thượng Đế, mục đích là làm cho nơn loại biết thương yêu lẫn nhau, cư xử thuận hòa, làm lành lánh dữ để cộng hưởng cuộc sống hòa bình như buổi trước.
6. **HAI MƯƠI TÁM NGƯỜI ĐẠI DIỆN ĐÃ LONG TRỌNG CÔNG BỐ: “Kể từ ngày nay chúng tôi đi phổ thông Đại Đạo khắp cả hoàn cầu”.**

*(TRÍCH BẢN DỊCH VIỆT NGỮ TRONG
QUYỂN ĐẠO SỬ - HƯƠNG HIẾU).*

III- NGUYÊN VĂN TỜ KHAI ĐẠO BẰNG PHÁP NGỮ

Saigon, le 7 octobre 1926

Monsieur le Gouverneur,

Les soussignés,

Ont l'honneur de venir respectueusement vous faire

connaître ce qui suit:

Il Existait en Indochine trois -Religions (Bouddhisme, Taoisme, Confucianisme). Nos ancêtres pratiquaient religieusement ces trois doctrines et vivaient heureux en suivant strictement les beaux préceptes dictés par les Créateurs de ces religions

On était, pendant cet ancien temps, tellement insoucieux qu'on pouvait dormir sans fermer les portes et qu'on dédaignait même de ramasser les objets tombés dans la rue (Gia vô bẻ hộ, lộ bắt thập di, tel est l'adage inscrit dans nos annales)

Hélas! ce beau temps n'existe plus pour les raisons suivantes:

1. Les pratiquants de ces religions ont cherché à se diviser tandis que le but de toutes les religions est le même: faire le bien et éviter le mal, adorer pieusement le créateur.

2. Ils ont dénaturé complètement la signification de ces saintes et précieuses doctrines.

3. La course au confort, à l'honneur, l'ambition des gens, sont aussi des causes principales des divergences d'opinions actuelles.

Les Annamites de nos jours ont complètement abandonné les bonnes moeurs et traditions de l'ancien temps.

Ecoeurés de cet état de choses, un groupe d' Annamites, fervent traditionalistes et religieux, ont étudié la refonte de toutes ces religions, pour n'en former qu'une seule et unique appelée CAODAISME ou ĐAI ĐẠO.

Le nom “ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ”, qui signifie la troisième Amnistie générale, est donné par L'Esprit suprême qui est venu aider les soussignés à fonder cette nouvelle religion.

L'Esprit Suprême est venu sous le nom de NGỌC HOÀNG THUỖNG ĐẾ dit CAO ĐÀI ou “Le Très Haut, DIEU TOUT PUISSANT”.

Par l'intermédiaire de médiums écrivant, NGỌC HOÀNG THUỖNG ĐẾ transmet aux soussignés des enseignements divins ayant pour but de concentrer et d'enseigner les beaux préceptes de ces trois anciennes Religions.

La Nouvelle Doctrine enseignera aux peuples:

1. La haute morale de Confucius;
2. Les vertus dictées dans les religions bouddhique et taoïque. Ces vertus consistant à faire le bien et éviter le mal, aimer l'humanité, pratiquer la concorde, éviter totalement la dissension et la guerre.

Les soussignés ont l'honneur de vous soumettre:

1. Quelques extraits du recueil des “*Saintes paroles*” de NGỌC HOÀNG THUỖNG ĐẾ, paroles estimées plus précieuses que tuot qui existe ici-bas.

2. La traduction de quelques passages du livre de prières que NGỌC HOÀNG THUỖNG ĐẾ nous a enseignés.

Le but poursuivi par les soussignés est de ramener les peuples à l'ancien temps de paix et de concorde. On sera ainsi dirigé vers une époque nouvelle tellement heureuse

qu'il est difficile de la décrire.

Au nom de très nombreux Annamites qui ont entièrement approuvé ces études et dont la liste est ci-joite, les soussignés ont l'honneur de venir respectueusement vous déclarer qu'ils vont propager à l'humanité entière cette Sainte Doctrine.

Persuadés d'avance que cette nouvelle religion apportera à nous tous la Paix et la concorde, les soussignés vous prient de recevoir officiellement leur déclaration.

Les soussignés vous prient d'agréer, Monsieur le Gouverneur, l'assurance de leurs sentiments respectueux et dévoués”

BẢNG DỊCH TỜ KHAI ĐẠO

Saigon, ngày 07 tháng 10 năm 1926

Thưa Ông Thống Đốc

Những người ký tên dưới đây

Hân hạnh kính báo cho Ông biết những điều sau:

Từ xưa đến nay ở Đông Dương đã có Tam Giáo (Phật, Lão, Khổng). Tổ tiên chúng tôi đã tu hành theo Giáo lý Tam Giáo và sống hạnh phúc nhờ tuân thủ nghiêm ngặt những lời dạy tốt lành của Tam giáo Đạo Tổ.

Thời xưa dân chúng sống vô ưu lự đến độ có thể ngủ không cần đóng cửa và chẳng màng nhật của rơi ngoài đường (gia vô bế hộ, lộ bất thập vi, là câu nói đã được sử sách chúng tôi ghi lại).

Than ôi! Thời đại tốt đẹp đó không còn nữa vì những lý do sau đây:

1.- Tín đồ của các tôn giáo ấy tìm cách chia rẽ nhau trong khi mục đích của vạn giáo đều đồng nhất: làm lành tránh dữ, chí thành thờ kính Đấng tạo hóa.

2.- Họ đã làm sai lạc hoàn toàn ý nghĩa của các giáo lý thiêng liêng và quý giá này.

3.- Sự đua chen theo bả phú quý vinh hoa, mỗi phú quý, lòng tham vọng của con người, tất cả những cái đó cũng là các nguyên nhân chính của những bất đồng tư tưởng hiện nay. Người Việt Nam bây giờ đã từ bỏ hoàn toàn những mỹ tục và truyền thống thời xa xưa.

Đau lòng trước những trạng huống này, một nhóm người Việt Nam, gồm những người nhiệt tâm với truyền thống và việc tu hành, đã nghiên cứu canh tân tất cả các tôn giáo này, để hợp nhất thành đạo CAO ĐÀI hay ĐẠI ĐẠO.

Danh xưng «ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ» có nghĩa là kỳ ba Đại ân xá, danh xưng này đã do Đức Chí Linh ban cho và Ngài đã lâm trận phù trợ cho những người ký tên dưới đây thành lập nền tôn giáo mới này Đức Chí Linh đã đến với danh xưng NGỌC HOÀNG THUẬN ĐẾ, tức CAO ĐÀI hay là «Đấng tối cao, THUẬN ĐẾ TOÀN NĂNG».

Thông qua người đồng tử phò loan, Đức NGỌC HOÀNG THUẬN ĐẾ truyền cho những người ký tên dưới đây các thánh giáo nhằm mục đích kết tinh và giảng dạy các giáo huấn tốt đẹp của Tam Giáo ngày xưa.

Nền giáo lý mới sẽ dạy cho dân chúng các điều sau đây:

1.- Luân lý cao siêu của Đức khổng Tử.

2.- Những đức tính được dạy trong Phật và Lão giáo. Những đức tính này gồm có làm lành lánh dữ, yêu thương nhân loại, sống hòa hiệp, tránh hoàn toàn sự chia rẽ và chiến tranh.

Những người ký tên dưới đây hân hạnh gửi kèm theo cho ông:

1.- Một vài trích lục từ tập «Thánh Ngôn của ĐỨC NGỌC HOÀNG THUỢNG ĐẾ», những lời dạy được đánh giá là quý báu hơn hết thảy mọi sự hiện hữu ở thế gian này.

2.- Bảng dịch một vài đoạn trong quyển kinh cầu nguyện mà «ĐỨC NGỌC HOÀNG THUỢNG ĐẾ» đã dạy chúng tôi.

Mục đích những người ký tên dưới đây theo đuổi là đưa nhân loại trở lại cái thời xưa hòa bình và hòa hiệp. Như vậy con người sẽ hướng về một thời đại mới hạnh phúc khôn tả.

Nhân danh đông đảo những người Việt Nam đã hoàn toàn tán thành những điều nghiên cứu này và có danh sách kèm theo, những người ký tên dưới đây hân hoan tuyên bố cho ông biết là chúng tôi truyền bá cho toàn thể nhân loại giáo lý thiêng liêng này.

Tin tưởng rằng nền tôn giáo mới này sẽ mang đến cho tất cả chúng ta hòa bình và hoà hiệp, những người ký tên dưới đây yêu cầu ông hãy chính thức tiếp nhận tuyên ngôn của chúng tôi.

Thưa ông Thống Đốc, những người ký tên dưới đây xin ông ghi nhận những tình cảm trân trọng và chân

thành của chúng tôi.

(BẢNG DỊCH CỦA ĐINH THỊ THANH MAI)

BA CON ĐƯỜNG THĂNG TIẾN

TIẾN TRÌNH tu tập của người tín đồ Cao Đài là nhập môn, giữ gìn giới luật, thờ cúng, làm công quả, phổ độ chúng sanh, trau tâm sửa tánh, tự xét mình có đủ tiêu chuẩn Tam lập (Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn) mới bước vào giai đoạn tịnh luyện, thiền định để tự giải thoát lấy mình. Tiến trình này liên tục và từng giai đoạn thăng tiến đều có sự hướng dẫn đúng lúc.

Về phương diện hữu hình gọi là Thế pháp của Đạo có ba con đường để các Chơn linh xuống thế lập vị mình.

I- CON ĐƯỜNG THỨ NHẤT

Lấy quyền hành phẩm tước hữu hình làm phương tiện hành Đạo, phẩm tước ấy phải do công nghiệp hành Đạo và đức hạnh mới có được. Tùy theo công nghiệp phụng sự vạn linh và tài năng đức hạnh có được nhiều hay ít sẽ được thăng phẩm từ tín đồ lên Giáo Tông ấy là con đường lập quyền Đạo để nương nhờ vào quyền hành ấy làm phương tiện phổ độ chúng sanh. Các phẩm tước hữu hình trong Hội Thánh chỉ là những nghi thức đối phẩm với các Đấng Thiêng Liêng trong thế giới vô hình, nó đòi hỏi người thọ nhận phải làm tròn thiên chức của mình khi chết linh hồn mới xứng đáng được gọi là Thần

Thánh Tiên Phật. Chẳng hạn phẩm Giáo sư Pháp Chánh Truyền buộc phải lo lắng cho tín đồ như anh ruột lo cho em. Ôi! Được bao nhiêu người có tâm đức ấy, chẳng trách nào Đức Chí Tôn định chỉ có 72 Giáo Sư hành quyền trên toàn thế giới. Hay là phẩm Giám Đạo của Hiệp Thiên Đài đòi hỏi người chức sắc phải có đủ quyền năng tâm linh để tự mình hay biết những vụ vi phạm về luật pháp Đạo đã hay đang xảy ra ở một nơi nào đó mà về phương diện hữu hình chưa lộ tông tích mới đúng nghĩa Giám Đạo, đúng với câu trong Pháp Chánh Truyền “*chẳng ai qua luật mà Hiệp Thiên Đài chẳng biết*”.

Vì vậy phẩm tước hữu hình chỉ là giả tạm và trạng thái sống thực của Chơn thân có tinh tấn hay không mới là yếu tố quyết định giá trị của hai tiếng đối phẩm. Con đường đó là Cửu Trùng Đài. Khi chết Chơn Thân rời khỏi xác thân trở về cùng Đức Chí Tôn. Con đường thứ nhất này bao gồm cả những chức sắc cấp dưới của Hiệp Thiên Đài mà sở hành của họ cũng lấy quyền Đạo làm phương tiện lập công.

II- CON ĐƯỜNG THỨ HAI

Con đường thứ hai là Phước Thiện với Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng cũng có phẩm tước hữu hình để đối chiếu với Thiêng Liêng từ Minh Đức đến Phật Tử.

Sở hành của họ chú ý nhiều đến việc lập đức, tạo ra nhiều của cải vật chất để tế khó trợ nghèo, yểm trợ đời sống hữu hình cho chức sắc hành đạo bất kỳ ở cơ quan nào, nuôi nấng binh vực trẻ mồ côi, người già cả, tật nguyền. Cũng phải đợi đến khi chết Chơn thân mới rời khỏi thân

xác trở về cùng Đức Chí Tôn.

III- CON ĐƯỜNG THỨ BA

Con đường thứ ba Đại Đạo là tu chơn tức là con đường tịnh luyện, thiên định, chú ý tới sự rèn luyện, năng lực sống trong nội thân mình theo tiến trình Tinh hóa Khí, Khí hóa Thần, Thần huồn hư đến chỗ Chơn thân có đủ khả năng rời khỏi xác phàm trước khi chết trở về cùng Đức Chí Tôn được. Đây là con đường đi tắt trong kiếp sanh, dĩ nhiên Chơn thân xuất ngoại xác thân được thì phải trở về được và sống trọn kiếp người của mình theo đúng Thiên ý. Có rất nhiều lầm lạc vì ảo tưởng ảo giác trong loại sinh hoạt này.

Nếu như ở con đường thứ nhất và thứ hai người ta có thể lầm lạc chạy theo danh, lợi, quyền trong tôn giáo, cũng là ảo ảnh của cuộc đời, nhằm lẫn phương tiện với cứu cánh làm biến tướng nên chơn giáo thành tả đạo bàn môn thì ở con đường thứ ba này nhằm lẫn chính là ảo tưởng và ảo giác rất tinh vi.

Trong phép thông công của con người với thế giới Thần linh cũng có vô vàn những đáng tiếc như vậy xảy ra, hậu quả của nó đối với đời sống tín ngưỡng của một số đông người cũng rất đáng thương tâm

(TRÍCH: “TU CHƠN”)

LỜI THỆ CỦA CHỨC VIỆC

Tên họ Phẩm vị thề rằng

***“Giữ dạ vô tư hành đạo đầu cha mẹ, anh em vợ
con cũng chẳng đặng phép tư vị, gìn dạ chơn thành
thệ Thiên hành hóa “***

Đây là thủ tục hành chánh và thần quyền mà phẩm Chánh Tri Sự và Thông Sự trong hàng chức việc phải thi hành khi nhận lãnh trách nhiệm hành Đạo tại một địa phương.

Lễ tuyên thệ được tổ chức tại Thánh Thất sở tại trước Thiên Bàn, trước sự chứng kiến của Thần Linh, chức sắc cấp trên và đồng đạo, dĩ nhiên lời tuyên thệ này phải được phát âm thành tiếng nói rõ ràng, không phải chỉ nguyện trong tâm. Hai phẩm Chánh Tri Sự và Thông Sự bắt buộc phải tuyên thệ như vậy. Vì hai phẩm này có quyền về luật lệ của Đạo do Hiệp Thiên Đài ban cho.

Pháp Chánh Truyền không buộc phẩm Phó Tri Sự tuyên thệ nhưng trên thực tế ở nhiều nơi người ta vẫn tổ chức lễ tuyên thệ luôn cho phẩm Phó Tri Sự vì xét ra vẫn tốt về phương diện đức tin và tâm lý.

LỜI CẦU NGUYỆN HẰNG NGÀY

I- NỘI DUNG

Ngoài những bốn phạm về thế tục phải làm việc để trả nợ áo cơm đã nương vào nhưn quần xã hội cho thân xác được tồn tại, hằng ngày người tín đồ Cao Đài còn có bốn phạm về tinh thần phải cầu nguyện năm điều chung sau đây:⁽¹⁾

1. Đạo Cao Đài được truyền bá sâu rộng.
2. Chúng sanh biết thức tỉnh tu hành và giải thoát.
3. Oan nghiệt tội tình của đệ tử được ân xá.
4. Thế giới được hòa bình.
5. Nơi thờ phượng Thượng Đế được an ninh.

Những lời cầu nguyện này được dâng lên Đức Chí Tôn và chư Thần Thánh Tiên Phật vào các thời cúng Tý Ngọ Mẹo Dậu (12 giờ khuya, 12 giờ trưa, 6 giờ sáng, 6 giờ chiều). Lời cầu nguyện được đặt sẵn, giống nhau thành lời Kinh Ngũ nguyện là phần chót của kinh cúng Tứ Thời. Những làn sóng tư tưởng phát xuất từ đáy lòng thành khẩn của người tín đồ Cao Đài ở khắp mặt địa cầu hiệp sức lại, cộng hưởng, tạo thành một sức mạnh tâm linh tác động trên tinh thần của nhưn loại theo chiều hướng Thánh thiện.

Hiện tượng này cũng giống như chúng ta ghép nhiều

cục pin nhỏ lại để có được một dòng điện mạnh đủ thấp sáng bóng đèn.

Các Đấng Thiêng Liêng nơi Bát Quái Đài đón nhận những làn sóng tư tưởng của khối tín đồ Cao Đài dâng lên như một dòng thần lực chứa đựng nhơn ý, các Ngài cảm nhận và cho hòa nhập vào trong tâm thức của mình gọi là chứng lòng chúng sanh và tức khắc gởi trả ngược lại chúng sanh sau khi cho thêm thần lực của các Ngài làm gia tăng Thánh chất chứa đựng nhiều Thánh ý trong đó.

Hiện tượng này gọi là sự chuyển Pháp của quyền năng Thiêng liêng tuy vô hình mà có thật và người nào nhận được ân huệ Thiêng liêng này sẽ có thêm sức sống tâm linh Thánh thiện và đời sống hữu hình của thân xác cũng sẽ thay đổi tốt đẹp dần. Sinh hoạt của giới vô hình này nối tiếp rất gần với loài người, chỉ cách một xác thân.

Ngoài năm điều chung trên đây thỉnh thoảng cũng có những vấn đề riêng của cá nhân mà sức phạm không giải quyết nổi người tín đồ cũng cầu nguyện với các Đấng Thiêng Liêng để xin hộ trì. Tuy nhiên không phải điều cầu xin riêng tư nào cũng được thỏa mãn bởi lý do con người thường hay cầu nguyện theo nhơn dục, mà hễ thuận cùng nhơn dục thì thường nghịch với Thiên Điều.

II- BÍ PHÁP CẦU NGUYỆN

Bí quyết trong phép cầu nguyện là phải thành ý, chánh tâm, có đức tin mạnh mẽ, thần trí phải thật yên tĩnh và lặp lại nhiều lần lời cầu nguyện trong một thời gian nào đó và điều cầu xin không quá hơn những gì mà định mệnh đã an bày, cho mỗi cá nhân trong mỗi kiếp sanh mới có

cảm ứng được. Cũng có những kẻ mà đời sống đầy những tham vọng cá nhân phàm tục không biết lẽ dinh hư tiêu trưởng là gì quên câu luân hồi nghiệp báo tiền khiên vay trả chỉ vụ lấy điều lợi trước mắt, họ đi vào cửa Đạo, lễ bái nhiệt tình trong buổi đầu với một tâm tâm mong cầu sự đổi chất có lợi bội phần đối với thế giới Thần Linh. Họ cũng cầu nguyện rất nhiều nhưng chỗ mong cầu vụ lợi phàm tục không được đáp ứng bèn mất đức tin cho rằng Trời Phật không linh. Lợi dụng tâm lý thấp thỏi nầy một số đồng cốt cùng với những tâm linh xấu tìm cách dẫn dụ đức tin của họ xa dần chánh giáo và chung cuộc họ đã lạc bước vào con đường tả đạo bàn môn lúc nào không hay. Thật đáng tiếc và con số tín đồ nầy cũng không phải là ít.

Lời cầu nguyện chắc chắn được đáp ứng dù ít hay nhiều là những lời cầu nguyện Hội Thánh đã đặt thành Thể pháp trong kinh điển như:

Ngũ nguyện, dâng Tam Bửu, kinh Thế Đạo: trước và sau khi ăn, khi đi ngủ, lúc thức dậy, khi đi ra đường, lúc trở về...

Tất cả đều mang ý nghĩa một tinh thần hướng thượng vô biên, sẵn sàng phụng sự vạn linh sanh chúng để sau một kiếp mang xác phàm Chơn thần nhập vào cõi hằng sống được. Chẳng hạn như:

“Nên người con nguyện ra tài lợi sanh”

“Con mong mượn xác đoạt quyền vĩnh sanh”

(KINH ẤN CƠM RỒI)

“Bước ra một bước cảm hoài căn tu”

(KINH ĐI ĐƯỜNG)

“Bỏn lai cực lạc chỉ chừng”

Đẩy đưa xác tục dựa cội linh”.

(KINH ĐI NGŨ)

Hay lời cầu nguyện khi dâng Tam Bửu nội dung tóm tắt như sau:

“Con xin dâng cả hình hài, trí não và linh hồn con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

(TRÍCH LTD CỦA ĐHP QI TR 115)

III- THỂ THỨC ÁP DỤNG KINH THẾ ĐẠO

Về thể thức áp dụng kinh Thế Đạo trong sinh hoạt hằng ngày của người tín đồ, người ta thường dùng lối tâm pháp nghĩa là chỉ cầu nguyện trong tâm trí của mình bằng tư tưởng, không phát âm thành lời nói. Chẳng hạn như khi ngồi vào bàn ăn để chùng một phút đồng hồ cắt đứt mọi tạp niệm, cầu nguyện trong tâm theo lời kinh ăn cơm, không làm ra vẻ gì khác biệt với những người xung quanh về hình thức bên ngoài. Ăn xong rồi cũng áp dụng như vậy.

Nếu áp dụng đầy đủ trung bình cứ một ngày 24 giờ người tín đồ Cao Đài đánh thức đời sống tâm linh mình 10 lần cứ cách vài tiếng đồng hồ họ lại hướng tâm về Đức Chí Tôn và Thần Thánh một cách sâu kín bên trong: 3 bữa ăn là 6 lần, đi và về 2 lần, ngũ thức 2 lần tổng cộng 10 lần. Sinh hoạt này không mấy khó khăn nặng nhọc nhưng đòi hỏi phải có đức tin mãnh liệt, sự thành tâm, trì chí liên tục mới có kết quả tạo được sự cảm ứng thường xuyên với quyền năng Thiêng liêng của Đức Chí Tôn và các Đấng. Hiệu ứng rõ rệt nhất của nó là quan niệm sống, tánh tình của người cầu nguyện sẽ thay đổi tốt đẹp dần theo chiều hướng thượng.

Điều cần lưu ý về kinh đi đường là không nên cầu nguyện trong lúc đang lái xe để tránh bị phân tâm dễ gây tai nạn, phải cầu nguyện trước khi lái.

Toàn bộ sinh hoạt tâm linh loại này đòi hỏi phải sống thật với lòng mình. Với nội dung, ý nghĩa của lời kinh như nói chuyện với Thần Thánh trước mặt mình vậy. Nếu chỉ áp dụng lấy lệ cho có hình thức như trả bài sẽ không có kết quả.

Nguyện kinh Thế Đạo theo lối tâm pháp này dễ dàng áp dụng trong mọi hoàn cảnh, mọi lứa tuổi đều thích hợp vì nó chỉ diễn ra trong nội tâm của từng cá nhân người cầu nguyện.

Tuy nhiên trong những môi trường sinh hoạt thuần tôn giáo và có tính cách cộng đồng như ở tại Thánh Thất, Điện Thờ Phật Mẫu các cháu đồng nhi thường đọc kinh thành lời khi ăn cơm, hình thức này còn có thêm tác dụng về phương diện truyền giáo, nhưng đối với người lớn không mấy thích hợp vì nó nặng nề về hình thức nên phần đông đều chọn lối tâm pháp nhẹ nhàng hơn.

Vả chăng ngoài xã hội trong những sinh hoạt thể tục hằng ngày người tín đồ phải chung đụng với nhiều người không cùng tín ngưỡng thì hình thức cầu nguyện sâu kín bên trong vừa với tâm lý nhiều người hơn. Tóm lại dù hình thức nào đi nữa khi áp dụng Kinh Thế Đạo trong phép tu thân thì vấn đề chính là tâm linh của người tín đồ phải có tiến bộ. Còn nếu như không có tiến bộ ắt phải có một nguyên nhân sai lầm ở một điểm nào đó trong chu trình chuyển hóa nguồn năng lực sống từ Tiên Thiên đến Hậu Thiên và từ Hậu Thiên đến Tiên Thiên nơi nội thân của mỗi con người. Chẳng hạn đức tin không chánh lý nên

thiếu sự trợ thần của Bát Quái Đài hoặc không biết trụ Thần khi cầu nguyện hoặc biết trụ Thần nhưng cường độ không đủ mạnh v.v... Trong trường hợp đó phải học lại lý Đạo cho sâu và điều chỉnh chỗ sai Pháp ấy.

CẦU NGUYỆN TRONG VIỆC LÀM ĂN

I- NỘI DUNG

Trong lãnh vực đức tin con người được tự do cầu khẩn với các Đấng Thiêng Liêng nào mà mình tin tưởng và cảm thấy dễ dàng linh ứng. Sự chọn lựa ấy có những lý do sâu xa ở những liên hệ tiền kiếp của linh hồn họ.

Trong công việc làm ăn sinh sống hằng ngày một số người tín đồ Cao Đài vẫn có thói quen cầu khẩn sự phò hộ của Thần Linh để giúp họ dễ dàng đạt đến mục đích mà họ mong muốn. Họ thường kêu gọi đến quyền năng Thiêng Liêng của hai phẩm: Thần Thổ Địa và Thần Hoàng Bốn Cảnh.

Nếp sinh hoạt tín ngưỡng dân gian này đã có từ lâu đời trước khi khai mở Đạo Cao Đài và người tín đồ Cao Đài vẫn tiếp tục tin tưởng như thế. Tuy nhiên khi hòa nhập chung vào nghi lễ của nền tôn giáo mới này, vẫn có vài biến đổi. Chẳng hạn tập tục tín ngưỡng cúng Thần thờ ở các Đình làng tức là Thần Hoàng Bốn Cảnh người ta cúng cả chay lẫn mặn, còn người tín đồ Cao Đài chỉ cúng toàn đồ chay mà thôi. Vì vậy đây không phải là một sinh hoạt tín ngưỡng đặc thù của Cao Đài giáo mà là nếp tín ngưỡng dân gian mà người Cao Đài đồng hóa. Họ thường kêu gọi đến sự giúp đỡ của Thần linh trong những trường hợp như: Khởi đầu một công trình xây cất, khai trương

một cơ sở làm ăn, mở đầu công việc mùa màng trông trọt ở một vùng đất mới đặt chân đến đầu tiên v.v..

Nội dung lời cầu nguyện thường gồm bốn điểm chính.

1. Danh tánh và địa chỉ của người cầu nguyện.
2. Công việc đang làm hoặc sắp làm.
3. Yêu cầu Thần linh phù hộ cho mình điều chi, về phương diện nào.
4. Để làm gì, tức là lời khẩn nguyện mình sẽ sống như thế nào với sự giúp đỡ của các Đấng ấy và đây là điều rất hệ trọng.

Không phải tất cả những gì cầu nguyện đều được Thần linh phù hộ.

II- QUAN NIỆM THẦN LINH

Trong sự tín ngưỡng của người theo Đạo Cao Đài Thần linh là những Đấng tác động trên đời sống của người tín đồ để phù hộ cho họ những sinh hoạt về phần xác lẫn phần hồn theo chiều hướng giúp họ biết tu thân lập đức đi đến chỗ giải thoát, thành thử chỉ có những lời cầu nguyện nào mà nội dung phù hợp với trách nhiệm thiêng liêng của các Ngài mới mong được dễ dàng chấp thuận. Trách nhiệm ấy là dạy dỗ dân làng biết làm lành lánh dữ, sống an cư lạc nghiệp, đủ sức chịu đựng sự trả quả mà mỗi cá nhân đã gây ra từ trước. Chỉ có các Đấng ấy mới quyết định chấp thuận những lời cầu khẩn hay không, còn người tín đồ chỉ theo những tập tục lâu đời của ông bà để lại họ cầu nguyện một chiều theo lòng tin của họ.

Ở đây chúng ta cần loại bỏ những khía cạnh mê tín dị đoan trong các hình thức tín ngưỡng. Chẳng hạn trường hợp sau đây:

Một người sống chủ trương không cần lễ nghĩa chi cả chẳng cần tín gì hết, chỉ làm sao có nhiều tiền, nhiều của cải vật chất, thỏa mãn được dục vọng giác quan của mình là hạnh phúc rồi. Y cũng theo đạo Cao Đài rồi mở một quán rượu, trình trọng cầu khẩn Thần linh phò hộ cho mình làm ăn phát đạt.

Lấy lý trí bình thường của một người chúng ta xét thử trường hợp này.

Nếu như lời cầu nguyện của y được giúp đỡ có hiệu lực, nghĩa là bán rượu chạy, thì sẽ có nhiều người phải say sưa gây ra những bất hạnh cho xã hội thử hỏi Thần linh là những Đấng có trách nhiệm dạy dỗ người dân hiền lành hướng thiện có thể giúp cho y đạt được mục đích giàu sang do bán rượu thật chạy để nhiều người phải khổ hay không?

Rồi khi có thật nhiều tiền, nhiều vật chất, y lại sống theo dục vọng của giác quan, đời sống của y càng sa đọa và tiếp tục đào tạo con cái ăn chơi hư hỏng.

Thử hỏi, đứng ở cương vị Thần linh các Ngài có thể tác động theo lời cầu xin đó để cho linh hồn y tạo nhiều ác nghiệp và đi nhanh vào cõi đọa được không?

Đây chỉ là trường hợp mê tín dị đoan mà thôi. Vận dụng năng lực thần quyền vào công việc làm ăn cần loại trừ khía cạnh mê tín dị đoan này.

Theo quan niệm của người tín đồ Cao Đài Thần linh là những đấng vô hình đứng trong hàng chánh giáo, khác hẳn với các vong linh thấp. Vì vậy chúng ta không nên

khẩn nguyện với tâm trạng mong cầu sự đổi chác bằng những lễ vật cúng bái hay nói khác hơn là lo lót để được Thần linh phù hộ.

Trường hợp thứ hai này vẫn thấy xảy ra ở một số người tín đồ không hiểu lý sâu của Đạo. Cũng có những lời cầu nguyện rất chính đáng xét về nội dung, rất đáng được giúp đỡ nhưng trạng thái nội tâm của người cầu khẩn chưa có một tâm ý hướng thiện rõ rệt, các Ngài vì lòng từ bi cũng độ rỗi trong một thời gian, sau đó xem xét lại.

Nếu như chơn thần của y chưa thức tỉnh theo chiều hướng thiện nghĩa là quên lời khẩn nguyện ban đầu, tinh thần rơi vào trạng thái mê tả qua câu kinh sám hối:

“Lâm nguy nguyện vái làm lành,

Tại qua rồi lại dạ đành phụ vong”, các Ngài sẽ ngưng phù hộ.

Công việc làm ăn thấy trôi chảy trong buổi đầu, sau đó mất hẳn đi những phần may mắn, lý do không còn sự phù hộ của Thiêng Liêng nữa mà chỉ còn năng lực của trí phàm con người tranh đấu nhằm đoạt lợi ở thế gian mà thôi.

Tóm lại theo quan niệm của người tín đồ Cao Đài Thần linh là những đấng rất gần gũi với những sinh hoạt của con người, các Đấng ấy luôn giúp đỡ cho người tín đồ thăng tiến trên con đường tu thân lập đức và đủ sức chịu đựng sự trả quả của mình đã gây ra từ trước. Vì vậy họ không ngần ngại vái van cầu khẩn các Đấng này phù hộ cho họ trong đời sống hằng ngày.

Về hình thức lễ bái không có qui định nào rõ rệt có khi chỉ đơn thuần là một lời khẩn, có khi là một nén

hương, có khi là một đĩa trái cây hay một mâm cơm chay. Tuyệt nhiên không dùng đồ mặn trong khi cúng Thần Thổ Địa và Thần Hoàng Bổn Cảnh trong nếp sinh hoạt của người tín đồ Cao Đài. Điều này đã có từ khi mới khai Đạo do lời dạy của vị Thần Hoàng Bổn Cảnh ở làng Mỹ Lộc quận Cần Giuộc và lời dạy của Đức Chí Tôn về trách nhiệm dạy dỗ dân làng của Thần Hoàng Bổn Cảnh làng Long Thành là nơi Toà Thánh Tây Ninh đang tọa lạc.

Lời dạy của Đức Chí Tôn 1927.

“... Thấy đã ban sắc cho Thần Hoàng Long Thành thăng lên chức Văn Xương vào trấn nhậm làng Hiệp Ninh, dạy dỗ dân làng về Đạo, Thấy ban trọn quyền thưởng phạt đặng răn làng ấy cho đến ngày biết ăn năn cải hóa...”

Vậy thì làng Long Thành, các con khá an lòng...”

(TNHT.QI. 1969 Tr 98)

Lời dạy của Thần Hoàng Bổn Cảnh làng Mỹ Lộc ngày 18-01-1927.

“Từ thuở Ta vâng chiếu chỉ đến trấn nhậm nơi đây, Ta một lòng lo cho lễ thứ đặng an cư lạc nghiệp, thanh vượng mùa màng mỗi mỗi đều lo lắng cho chúng sanh nơi phần trách nhiệm...”

Từ đây Ngọc Đế truyền lệnh cho Ta phải theo phò chư Cao Đạo hữu, nên Ta lo lắng bội phần hơn khi trước, mỗi khi có việc chi tai biến hay là có những bệnh truyền nhiễm thì đến đây Ta sẽ dạy cho mà lánh những điều tai hại.

Còn việc tế lễ cúng, Ta muốn dùng đồ chay hay là cây trái, chớ sát sanh.

Tế tự là tại sao?

Phàm có lòng tin mới cúng chó, cúng là lấy có lễ đó, gọi là kính trọng. Chó Thần Thánh nào ăn của ai. Bởi thế nên ai dùng vật thực mà cúng tốt hơn nên dùng trái cây. Ai có lòng tế lễ chi chi Ta cũng chẳng trách đặng vì cật lệ bày đến ngày nay...”

(TNHT QI 1969 TR 87-88)

Chúng ta cần phân biệt cho rõ ràng trong thế giới vô hình cũng có những chơn linh thấp kém xấu xa sống lẫn lộn với những chơn linh cao trọng. Hai cấp bậc Thần Thổ Địa và Thần Hoàng Bổn Cảnh mà người tín đồ tin tưởng là những chơn linh tốt, biết thương yêu chúng sanh, sẵn sàng phò hộ giúp đỡ cho đời sống nhơn sanh phát triển theo chiều hướng Thánh thiện khác hẳn với những vong linh thấp kém mà đôi khi nhập vào xác những đồng cốt đòi hỏi người ta cúng cho mình ăn vật nọ, vật kia theo những ảo giác của Chơn thần họ đang diễn ra. Thành thử khi vận dụng năng lực phò hộ của Thần linh trong công việc làm ăn hằng ngày cần phải thận trọng. Nếu trong tâm của người khẩn nguyện dù không nói ra bằng lời rõ rệt mà có ý đổi chác song phương. “*Nếu Ngài phò hộ cho tôi, tôi sẽ cúng Ngài một đĩa trái cây*” chẳng hạn, đó là một điều thất lễ.

Đối với các vị Thần linh phải hết sức tránh chỗ tâm ý thấp thỏi này do lòng mê tín của con người để khỏi phải làm phiền lòng các Đấng ấy. Vì thương đời mà phải gần gũi với những sinh hoạt trần tục của chúng sanh và phải nghe những điều bất chánh trong tâm của kẻ cầu nguyện.

Các Đấng ấy làm việc một cách vô tư vì trách nhiệm thiêng liêng của mình tại mỗi địa phương, không phải vì

các phẩm vật cúng tế. Còn lễ và kính trọng là bốn phận của người tín đồ hiểu lý sâu của Đạo, một hình thức sinh hoạt theo hướng Trời người hiệp nhất

CẦU NGUYỆN TRONG VIỆC HỌC HÀNH THI CỬ

TRONG CÔNG VIỆC HỌC HÀNH THI CỬ người tín đồ Cao Đài đặng phép cầu khẩn với quyền năng Thiêng liêng của Đức Chí Tôn khai mở khiếu thông minh cho mình để học hành mau tiến bộ, đến nơi đến chốn, thi cử đỗ đạt, hầu mai sau khi ra đời sống một đời sống có nghĩa nhân, biết thương yêu bạn đồng môn, thương yêu sanh chúng trên đường công danh, biết làm lành lánh dữ, nghĩa là sống đời sống của hàng chánh nhân quân tử trong xã hội. Lời cầu khẩn ấy được cô đọng trong câu

«Cầu khẩn Đấng chơn linh nhập thể

Đủ thông minh học lễ học văn

May duyên gặp hội Long Vân

Thuyền thơ ngọn gió Các Đàng xuôi đưa»

(KINH NHẬP HỌC)

Về phương diện tâm lý, nội dung của lời cầu nguyện có tác dụng hướng dẫn con người sống theo hướng Thánh thiện.

Về phương diện thần quyền, mỗi con người đều có một linh hồn, linh hồn hiện ra nơi thân thể trong yếu tố gọi là Thần của Tam Bửu. Thần là sự sáng suốt của tâm

linh ngự trị nơi phàm thể con người điều khiển Khí và Tinh. Cầu khẩn Chơn linh nhập thể là thúc giục năng lực Thánh thiện của Thần biểu lộ nơi trí não của con người cho được nhanh chóng và cao độ. Năng lực sáng suốt của Thần nơi con người có 2 tác dụng:

– **Đối với quá khứ** nhớ lại được những ký ức đã ghi nhận do sự hiểu biết từ trước và dường như bị chôn vùi đi theo thời gian. Khi Thần linh hoạt nó sẽ nhớ lại được những ký ức này, tức là những kiến thức đã học được từ tiền kiếp hay là ở trong kiếp này hiện ra nhanh chóng khi cần vận dụng đến.

– **Đối với tương lai** năng lực của Thần sẽ làm gia tăng tính sáng tạo của con người để tìm tòi khám phá thêm những qui luật của sự sống mà Đức Chí Tôn đã đặt để nơi con người và ở thiên nhiên biết biến cải môi trường sống cho mình được tồn tại, tấn hóa trên dòng thời gian.

Đó là nói về nguyên lý của sự sống một cách tổng quát, còn chi tiết hơn khi người tín đồ trong công việc thi cử, học hành phải cầu nguyện đến quyền năng của các Đấng Thiêng Liêng hỗ trợ cho mình thì có phải là việc làm mê tín hay không?

Tất cả những tri thức của con người còn đọng lại trong phân gọi là ký ức của tinh thần người ấy, với thời gian quá lâu những ký ức ấy có thể bị phai mờ đi mình gọi là quên. Nhưng thật ra tất cả những gì mình đã nghĩ đã làm trong quá khứ đều lưu trữ lại ở trong sự sáng suốt của Chơn linh mình. Sau khi thân xác này chết đi những ký ức vẫn tồn tại trong Chơn linh người đó. Khi đi đầu kiếp Chơn linh mang một hình xác mới những ký ức ấy vẫn còn nhưng ở một trạng thái tiềm ẩn và chính nó làm

thành sức thông minh bẩm sinh nơi đứa bé.

Dinh dưỡng đầy đủ và giáo dục đúng cách sẽ làm tăng trưởng sức thông minh qua từng kiếp sống.

Vì vậy một người đã qua nhiều lần chuyển kiếp, học hỏi được nhiều kinh nghiệm sống trong quá khứ, năng khiếu thông minh nơi trí não của họ thường thường cao độ.

Đó là những gì có tính cách bẩm sinh nơi một con người, nếu chúng ta biết đánh thức nó dậy thì sự biểu lộ của nó về phương diện hữu hình đo lường bằng hệ số thông minh của trí não con người sẽ đạt đến mức cao hơn là không biết đánh thức.

Vì vậy phải có kho tàng kiến thức cũ nằm ở dạng tiềm ẩn, khi một Chơn linh con người đi đầu kiếp thì sự thông minh bẩm sinh cao nơi đứa bé mới có được.

Không có trường hợp linh hồn của một con thú đã tấn hóa nhập vào hình xác của một con người nhờ ăn uống đầy đủ mà có trí thông minh bẩm sinh cao được.

Lời cầu nguyện trong kinh nhập học

“*Đại Từ phụ xin thương khai khiểu*” là chiếc chìa khóa Thần quyền để khơi dậy kho tàng tâm linh của ký ức tiền kiếp biến đổi nó thành sức thông minh hiện tại để học và hiểu nhanh chóng những vấn đề mà trí não của con người đang đối diện.

Một khi người tín đồ đã hiểu rõ được Chơn Pháp của Đạo một cách sâu xa và biết vận dụng những lời kinh tiếng kệ một cách khôn ngoan sẽ tạo cho mình một chánh tín.

Cho nên cầu nguyện trong việc học hành thi cử rất cần thiết để cho vai trò của Chơn linh mình dạy dỗ được

trí phàm biết sống theo tánh linh sẵn có nơi mỗi người.

Đức Chí Tôn dạy:

«Nơi thân phàm các con, mỗi đứa Thầy đều cho một Chơn linh gìn giữ cái chơn mạng sanh tồn..... Đấng chơn linh ấy vốn vô tư....., nhứt nhứt điều lành và việc dữ đều ghi chép không sai, đặng dâng vào Tòa phán xét..... Các Chơn linh ấy tánh Thánh nơi mình đã chẳng phải gìn giữ các con mà thôi mà còn dạy dỗ các con...»

(TNHT- TG 1928)

Chơn linh tức là linh hồn của con người, nơi tích lũy những ký ức qua nhiều kiếp sống tức là sự sáng suốt, khôn ngoan tiềm ẩn nơi một con người.

Biết dùng phép cầu nguyện để khơi dậy kho tàng quý báu của kiến thức cũ trong quá khứ đó biến đổi thành trí thông minh của hiện tại là biết sống với lẽ Đạo, biết sống với quyền năng cao diệu mà Đức Chí Tôn đã ban cho con người.

Nói riêng về quá khứ gần trong một kiếp sanh của con người, lời cầu nguyện có được sự may mắn trong việc học hành thi cử có nghĩa là gì?

– **Trước nhứt** năng lực Thần quyền do các Đấng Thiêng Liêng bố hóa cho người cầu nguyện sẽ làm cho Thần của họ thêm linh hoạt nhớ lại những gì đã học hỏi từ trước để trong công việc thi cử trả lời cho đúng. Vì vậy trong kho tàng ký ức của họ phải có những kiến thức do việc học hành lưu lại, nhờ sự phò hộ của quyền năng Thiêng liêng sẽ làm cho mình nhớ lại trọn vẹn và trả lời đúng, tức nhiên là thi đậu.

– **Thứ hai** vận dụng được sự sáng tạo của trí thông minh mình trả lời những vấn đề khi người ta đòi hỏi phải biết, phải có những sáng kiến mới giải đáp được.

– **Thứ ba** là những điều kiện sinh hoạt ở xung quanh mình không gây trở ngại trong việc thi cử như sức khỏe tốt, phương tiện di chuyển an toàn, thời gian không trễ nải v.v...

Tóm lại phải có sự chăm chỉ học hành từ trước lời cầu nguyện may mắn mới có ý nghĩa trong sáng của nó.

Khía cạnh mê tín dị đoan thường nằm ở chỗ không chịu học hành mà muốn Thần Thánh phù hộ giúp đỡ cho mình đỗ đạt.

CÚNG TỬ THỜI

THỜI CÚNG là một sinh hoạt thường nhật trong đời sống của người tín đồ Cao Đài. Đức Quan Thế Âm Bồ Tát dạy phải siêng năng cúng kiến cho thường với những lý do:

- *Một là tập cho Chơn thân được gần gũi các Đấng Thiêng Liêng đấng sáng lạn.*
- *Hai là cầu khẩn với Đức Đại Từ Bi tha thứ tội tình cho các em và cả chúng sanh.*
- *Ba là có tế lễ thì tâm phải có cảm, cảm rồi mới ứng, ứng là lẽ tự nhiên.*
- *Bốn là tâm có cảm thì lòng bái ái mới mở rộng, mà nhứt là khiếu lương tri lương năng của các em cũng nhờ đó mà lần hồi thành ra mãn huệ. Các em nhớ à.*

(TNHT. TG 8.5.1933)

Tuy nhiên không phải ai ai cũng dễ dàng đạt đến bốn mục đích trên đây. Hương đăng trà quả, bần thờ, tiếng chuông, tiếng mõ hay cúi đầu đánh lễ tất cả chỉ là hình tướng bên ngoài gọi là Thể pháp của Đạo. Điều trọng yếu hơn hết là phải biết nương nhờ vào Thể pháp ấy đặng đạt đến Bí pháp huyền linh là sức sống tâm linh ẩn tàng bên trong.

Vậy bí quyết ấy là gì? Ở đâu có?

I- BÍ PHÁP CÚNG TỬ THỜI

Trong phép cúng tử thời hằng ngày tại tư gia hay nơi công cộng như Đền Thánh, Đền Thờ Phật Mẫu.... mục đích là để tập cho mình quen gom Thân định trí, nghĩa là tư tưởng phải chú định được vào một cái gì đó thôi.

Chỗ chú định ấy thường là

- Lời kinh
- Hoặ hình Thiên Nhân
- Hoặ ý không muốn nghĩ gì cả.

Thật sự trong buổi đầu tâm trí của người tín đồ chưa sống được với trạng thái trống vắng hoàn toàn, vì vậy chỉ yêu cầu gom về điểm một là được. Sau đó mới lần đến chỗ ngừng nghĩ tư duy phàm tục, đón nhận ánh sáng nội tâm tự phát nhịp nhàng với sự hỗ trợ Thần của các Đấng Thiêng Liêng.

Song đó chỉ là thuật điều chỉnh tư tưởng mà thôi, chỗ yếu nhiệm song song kế đó là trong tâm mình phải có đức tin và lòng trông cậy vào quyền năng của Bát Quái Đài. Không có đức tin có nghĩa là không sống thực với lòng mình thì sự tập trung tư tưởng cầu nguyện, lễ bái không có thần lực của mình phát ra cao độ cũng như máy thu thanh thiếu điện dương nhiên không có cảm ứng, cúng lạy suốt đời cũng chỉ lòng vòng với hình tướng mà thôi không có Bí pháp ứng hiện.

“Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp...”

Khi bắt đầu đọc kinh đã có sự nhắc nhở như vậy. Có đức tin mới có lòng thành khẩn và sự kính trọng thật sự trong tâm. Không tin, không kính thì sự kính trọng

làm ra vẻ bề ngoài và những lời vái van lấy lệ trên đầu môi chót lưỡi chỉ là giả tưởng mà thôi, xét trên quan điểm cao tầng huyền linh quả nhiên như vậy, tuy rằng lời thật hay mất lòng.

Tóm lại cúng kiến, cầu nguyện phải đúng với Chơn pháp và phải có đức tin mãnh liệt mới có ấn chứng tâm truyền khi mình đủ công đức.

II- ĐỌC KINH CẦU LÝ

1. Ý NGHĨA

Đọc kinh cần phải hiểu ý nghĩa của lời kinh vì lý trí có hiểu dạng ý nghĩa mới điều khiển thân xác hành động theo chánh tín dạng. Quan niệm sống của người tín đồ thể hiện qua tư tưởng và hành động của họ, không hiểu ý nghĩa lời kinh việc sùng tín dễ rơi vào mê tín dị đoan và lòng nhiệt thành hăng say vì Đạo dễ bị lạm dụng không đúng chỗ. Ý nghĩa lời kinh trong các tôn giáo thường diễn tả vũ trụ quan và nhân sinh quan của nền triết lý đạo giáo ấy.

Việc cầu lý bao gồm từ thấp đến cao, tùy theo căn cơ và trình độ của mỗi cá nhân người giảng và nghe, cần có những hình thức diễn giảng khác nhau mới đáp ứng đủ mọi trình độ hiểu biết của nhơn sanh.

Triết lý của Tam Kỳ Phổ Độ tổng hợp tinh hoa các giáo thuyết Đông Tây kim cổ gọi là qui Tam giáo hiệp Ngũ chi nên chúng ta không lạ gì khi thấy, chẳng hạn một vấn đề ăn chay thôi mà lý giải của nó do những người đi trước truyền đạt cũng không đồng nhất. Người truyền giáo

hiểu đến đâu thì diễn giảng theo mức ấy và người nghe tùy trình độ nhận thức của mình cũng hiểu và tin vấn đề một cách khác nhau. Tinh thần tổng hợp chấp nhận tất cả những sự khác biệt ấy đều hữu dụng cho nhơn sanh tùy căn duyên của mỗi người. Cũng lẽ ấy mà về hình thức nghi lễ tất cả các vị giáo chủ cổ kim đều được tín đồ Cao Đài thờ chung trên một bàn thờ dù trước kia chủ trương hành động của họ đối với cuộc đời không đồng nhất khi độ rỗi nhơn sanh. Về phương diện cầu lý phương tu của người tín đồ Cao Đài chủ trương làm người phải tìm hiểu lý đạo sâu xa sửa lòng mình cho trong sạch khi tụng kinh.

“Làm người rõ thấu lý sâu,

Sửa lòng trong sạch tụng cầu Thánh Kinh”

(TRÍCH BÀI KHAI KINH)

Trong Tân Luật điều thứ hai mươi ba, Chương VI ghi rõ trong Đạo sẽ mở trường dạy chữ và dạy Đạo. Dạy Đạo là giảng dạy về môn giáo lý Cao Đài trong học đường. Điều mong ước ấy của các bậc tiền bối đã ghi thành luật nhưng trên thực tế chẳng thực hiện được bao nhiêu hầu đáp ứng nhu cầu tìm hiểu lý Đạo cho lứa tuổi thanh thiếu niên.

2. CÁC HÌNH THỨC CẦU LÝ

Để tìm hiểu ý nghĩa của lời kinh, thông thường người ta áp dụng những hình thức sau đây:

a). Truyền giảng trực tiếp bằng lời nói giữa người, và người mặt đối mặt với nhau. Hình thức này trong Đạo Cao Đài gọi là thuyết đạo, thường thấy trong các đàn cúng do chức sắc hay chức việc thực hiện khi vừa mãn lễ trước số đông tín đồ tham dự đàn cúng vào các ngày sóc vọng hay lễ vía hoặc ngày thường.

Hình thức này truyền thụ kiến thức một chiều giữa người nói và người nghe. Đôi khi cũng có những buổi thuyết giảng ngoài giờ cúng trong đó người nghe có cơ hội nêu thắc mắc để được giải đáp hay thảo luận.

b). Dùng phương tiện sách báo, phim ảnh, băng ghi âm, làn sóng điện truyền thanh truyền hình để truyền bá đạo lý trong đó có ý nghĩa lời kinh. Người giảng chỉ nói một lần và lời nói hay văn tự được giữ lại để truyền đạt cho tín đồ nhiều lần về sau.

c). Hình thức học hỏi bằng cách thông công hay tham thiền, sinh hoạt loại này thuộc cao cấp và có nhiều nguy hiểm. Các Đấng Thiêng Liêng trợ Thần cho người tìm hiểu tự khám phá lấy hoặc giảng dạy trực tiếp trên Chơn thân bằng âm thanh hay hình ảnh về ý nghĩa của lời kinh và những vấn đề khác. Trong bước đầu tu học người tín đồ nên áp dụng hai phương thức trước để dàng hơn. Nghe giảng, đọc sách, tham khảo, tra cứu, tự tìm tòi bằng lý trí bình thường của mình ngoài giờ cúng là lối học hỏi dễ có kết quả. Có nhiều người đột giai đoạn dùng giờ cúng tứ thời để suy ngẫm ý nghĩa lời kinh tiếng kệ trong khi thần trí chưa quen an tĩnh kết quả chỉ là tình trạng đi rong của tư tưởng về văn từ nghĩa lý từ câu này sang câu khác, không đạt đến kết quả cao đẹp và dễ bị mỏi mệt thần kinh.

Đành rằng Thái Tử Sĩ Đạt Ta đã thành công nhờ thiền định nhưng khi chúng ta chưa đạt đến tình trạng tấn hóa như Ngài nên áp dụng phương pháp tu học từ thấp lên đến cao hay hơn chạy nhanh rồi vấp ngã.

SỨ MẠNG TRUYỀN GIÁO

I- SỨ MẠNG CÁ NHÂN

Từ những lời cầu nguyện hằng ngày

- Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai.
- Nhì nguyện phổ độ chúng sanh.

Là sinh hoạt thuộc quyền năng tư tưởng có sự chuyển pháp của các Đấng Thiêng Liêng hộ trì về phần vô vi sang lãnh vực hữu hình. Đức Chí Tôn dạy mỗi tín đồ phải có sứ mạng truyền bá đạo lý của Ngài cho người khác hiểu và hành động theo thánh ý.

“Còn chư môn đệ đã lập mình thế rồi, ngày sau tùy âm chất mỗi đứa mà thăng hay là tội lỗi mà giáng, song buộc mỗi đứa phải độ cho đặng ít nữa là mười hai người”.

(TNHHT QI TR 42)

Mỗi lần tái kiếp trong một gia đình nào đó linh hồn sẽ có thêm họ hàng thân thích, tạo thành gia tộc hữu hình và bởi tình yêu thương, nợ khí huyết vay mượn của tổ phụ lưu truyền, khi thoát xác Chơn thân của những người thân ấy có những liên hệ ràng buộc với nhau, bởi vậy mới có phép điều chỉnh nghiệp quả.

“Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa”

(KINH CẤU CHA MẸ QUI LIỄU)

Tình đồng đạo cũng vậy, khi chúng ta độ rồi một

người nào nhập môn vào Đạo phải có trách nhiệm đi đầu dắt lẫn nhau anh trước em sau mà đến nơi Bồng Đảo. Tình yêu thương và trách nhiệm tâm linh ấy nối kết các Chơn thần khi thoát xác trở thành họ hàng gia tộc nơi cõi Thiêng liêng.

Đức Chí Tôn dạy:

“Hễ bao nhiêu môn đệ độ rỗi của mỗi đũa thì là họ hàng của mỗi đũa hiểu à!

“Chờng ấy về đến Bạch Ngọc Kinh thì gia tộc mỗi đũa đều phân biệt, nếu chẳng độ rỗi thì về với hai tay không.”

Ấy vậy sứ mạng truyền giáo để phổ độ chúng sanh đặt nền tảng trên bốn phận của từng cá nhân người tín đồ. Không phải chỉ có chức sắc hay chức việc mới có bốn phận truyền giáo mà mỗi người tín đồ đều có bốn phận ấy.

II- PHƯƠNG TIỆN GIÁO QUYỀN

Khi mở Đạo Cao Đài tại Việt Nam Đức Chí Tôn có tiên tri.

*“Nam Bắc cùng rỗi ra ngoại quốc
Chủ quyền chơn Đạo một mình Ta”*

(TNHT. TG 15. 9 BÌNH DẪN)

Làm thế nào để ứng hiện lời tiên tri ấy?

Trên thì có các Đấng Thiêng Liêng chuyển Pháp khai mở năng khiếu tâm linh của con người, những ai hữu duyên cùng Đạo trên khắp mặt địa cầu, dưới thì có quyền hành Hội Thánh là phương tiện để độ rỗi nhơn sanh. Phép tu hành nhằm đạt đến sự giải thoát Chơn Thần con người, còn quyền hành áo mão, chức tước chỉ

là phương tiện để xác thân làm việc.

Hai phương tiện truyền giáo hữu hiệu nhất là nơi thờ phượng Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng để nuôi dưỡng đạo tâm vì.

“Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi” và kinh điển để truyền bá đức tin hiểu đạo lý cho chính đáng, tránh lạc lầm vào chỗ mê tín dị đoan.

Ngoài ra còn có việc truyền Bí pháp thuộc phần sinh hoạt cao cấp không tiện nói ra trong quyển sách nhỏ bé này.

Các phương tiện truyền thông đại chúng như truyền thanh, truyền hình báo chí, hình ảnh, ghi âm đã giúp ích rất nhiều trong việc truyền giáo. Nhưng phương tiện dù tối tân đến đâu, kinh điển dù cao siêu thế mấy, trên hết mọi sự con người mới là chính.

Đời sống của người tín đồ, sự sinh hoạt thể xác và tinh thần, nếu còn nặng mang nhiều nét phạm tục trước mắt chúng sanh thì nền Đạo đang có dấu hiệu qui phạm. Trong một nền tôn giáo nếu thiếu những tấm gương sáng chói về đạo đức của con người ở cõi tục này thì việc truyền giáo cũng mất đi phần hữu hiệu.

Kinh điển giải bày lý Đạo cao siêu, truyền thông đại chúng rộng rãi, đó chỉ là lý thuyết còn thực hành thì đời sống của người tín đồ ra sao mới là kết quả.

Ấy vậy việc tu thân của mỗi cá nhân người tín đồ là nền tảng của cơ phổ độ. Lấy thí dụ cụ thể chẳng hạn.

- Muốn khuyên người nào chạy lạt đặng giảm bớt nghiệp sát sanh.
- Hay từ bỏ rượu thịt say sưa cho Chơn thần an

tính.

- Muốn khuyên đừng cờ bạc đừng bỏ tánh gian tham.
- Hay xa lánh gió trăng cho gia đình đừng nghiêng đổ.

Trước hết phải tu chỉnh bản thân mình để làm gương cho người khác thì lời khuyên mới có giá trị và mới hy vọng cảm hóa đặng lòng người.

Ấy vậy tu thân là chính trước khi sử dụng giáo quyền thi hành sứ mạng phổ độ mà Đức Chí Tôn giao phó.

XÉT CÂU MINH THỆ

I- PHÉP XÉT MÌNH

Vào giai đoạn chót của đời sống người tín đồ Cao Đài người ta cho áp dụng phương thức xét mình bằng cách gọi tên người sắp qui vị và thúc giục:

*“Ớ (tên họ người qui vị) thành tâm cầu nguyện.
Nguyễn Chí Tôn linh hiển độ sanh
Ấn năn sám hối tội tình
Xét câu minh thệ gửi mình cõi thăng”*

(KINH CẦU HỒN)

Đức Thất Nương Diêu Trì Cung khi giảng cơ giải thích về cõi Âm quang có dạy rằng:

«Chớ chi cả nhơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác thì tự nhiên tránh khỏi Âm quang»

(TNHT QII TR 92)

Đức Chí Tôn cũng nhắc nhở môn đệ Ngài phải biết xét mình hằng ngày trên bước đường tu học và hành Đạo.

«Phải thường hỏi lấy mình khi đem mình vào lạy Thấy buổi tối, coi phận sự ngày ấy đã xong chưa mà lương tâm có điều chi cần rút chằng? Nếu phận còn nét chưa rồi, lương tâm chưa đặng yên tịnh thì phải biết cải hóa, rán sức chuộc lấy lỗi đã làm thì các con có lo chi chằng bị bực Chí Thánh...»

(TNHT 24.12.1926)

Phép xét mình không phải là điều mới lạ, từ ngàn xưa các bậc Thánh hiền đã truyền dạy, các Đấng Thiêng Liêng trong Đạo Cao Đài chỉ nhắc nhở tín đồ, Đức Hộ Pháp gọi đây là phép hồi quang phản chiếu, lấy ánh sáng tâm linh soi rọi trở lại hành tàng của mình đã thi thố từng ngày, từng tháng, từng năm và cả kiếp sanh, xem xét chỗ dở chỗ hay để định bước tương lai cho đúng theo Thánh ý. Nó bao gồm nhiều vấn đề trong cuộc sống nhưng nơi đây chỉ nhắc đến vài lời tâm nguyện mà thôi.

Trước hết xin đề cập đến lời Minh thệ nhập môn.

II- Ý NGHĨA NỘI DUNG LỜI MINH THỆ NHẬP MÔN

Tên họ thệ rằng:

“Từ đây biết một Đạo Cao Đài Ngọc Đế chẳng đổi dạ đổi lòng, hiệp đồng chư môn đệ, gìn luật lệ Cao Đài như sau có lòng hai thì Thiên Tru Địa Lục”.

Tất cả tín đồ Cao Đài đều phải qua thủ tục minh thệ này khi nhập môn cầu Đạo. Lời minh thệ phải được phát âm thành tiếng nói rõ ràng trước sự chứng kiến của Thần linh và giới chức sắc có thẩm quyền về hành chánh Đạo, thấp nhất là cấp chức Việc Bàn Trị Sự.

Đây là một nghi lễ hữu hình có ba tác dụng:

- **Về hành chánh Đạo:** Để có đủ yếu tố pháp lý cấp giấy chứng nhận tín đồ gọi là Số Cầu Đạo.
- **Về tâm lý cá nhân:** Để người tân tín đồ biết sợ hình phạt của Thiêng Liêng mà giữ gìn giới luật của kẻ tu hành.
- **Về thần quyền:** Để được các Đấng Thiêng Liêng

nhìn nhận là môn đệ của Đức Chí Tôn và do đó sẵn sàng phò hộ cho mình trong cuộc sống tu hành.

Chúng ta biết rằng mỗi linh hồn đều có quyền tự chủ của mình, thăng hay đọa là do luật nhân quả tác động một cách vô tư do sở hành của chính linh hồn ấy gây ra.

Vì vậy phải có lời minh thệ là một hình thức cam kết tự nguyện sống trong giáo pháp Đạo Cao Đài, chấp nhận sự thưởng phạt của các Chơn linh cao trọng đóng vai trò người hướng đạo cho mình trong suốt cuộc hành trình trở về cùng Thượng Đế thì những Chơn linh ấy mới sẵn sàng can thiệp vào đời sống của mình với mục đích yếm phạm phục Thánh.

Điều kiện này được xác định qua lời dạy của Đức Chí Tôn đối với một số môn đệ tại Cần-Giuộc chưa qua thủ tục nhập môn trong thời kỳ mới khai Đạo.

«Qui Vương đến trước Bạch Ngọc Kinh xin hành xác và thử thách các con, Thấy chẳng chịu cho hành xác, chúng nó hiệp Tam Thập Lục Động toan hại các con. Nên Thấy sai Quan Thánh và Quan Âm gìn giữ các con nhưng phần đông chưa lập minh thệ nên chư Thần Thánh Tiên Phật không muốn nhìn nhận».

(TNHT I. 7. BD)

Ngoài ra cũng về phương diện thần quyền phải có minh thệ nhập môn thì khi chết Hội Thánh mới tiến hành các thủ tục độ hồn như tụng kinh hấp hối, thượng sớ tân cổ, cầu siêu làm phép xác độ thăng, làm tuần cửu, tiểu và đại tường cho người giữ đúng luật Đạo.

III- KHÔNG NHẬP MÔN, TU ĐẶNG CHĂNG

Thế nhưng có những giáo pháp chủ trương không cần đến tha lực mà chỉ tập trung ý chí của mình để phát triển nội lực, thôi thúc tiến trình hoàn thiện đến mức độ giải thoát tinh thần mình khỏi mọi hình thức ràng buộc, nghĩa là giác ngộ.

Trên bình diện ngôn ngữ chúng ta thấy có sự khác biệt giữa các giáo pháp này nhưng trên thực tế, sự chuyển hóa dòng sinh lực nội thân khi con người có những cố gắng tu học vẫn giống nhau cũng ví như về phương diện hữu hình hệ thức ăn vào dạ dày chịu luật biến dưỡng, chất bổ dùng nuôi thân còn cặn bã đào thải ra ngoài, phàm thân con người ai cũng vậy.

Trong địa hạt tâm linh dầu có cầu đến tha lực hay không một khi có ý muốn hoàn thiện phát khởi trong tâm con người thì Thần, Khí của mình liền biến đổi trạng thái từ xấu ra tốt và luật giao cảm tinh thần trong thế giới bán hữu hình cũng thay đổi đối tượng, tương cầu thu hút lại gần sự chú ý của những đơn vị sống không hình xác là những tầng điển quang thanh trong không gian gọi là Thần Thánh Tiên Phật. Sự giao cảm làm tăng cường độ rung động điển quang của Chơn Thần và do đó đương nhiên có thêm sức sống tâm linh cho con người, Thần Khí con người trở nên tinh tấn hơn.

Hiện tượng gia tăng nội lực tâm linh này gọi là Phật Trời phò hộ, ban ơn hay do công phu ý chí của mình mà đạo tâm trở nên tinh tấn cũng chỉ là cách nói, cách nhìn vấn đề tinh luyện bản thân từ những góc độ nào đó mà thôi. Khi người tín đồ chân thành cầu nguyện sự trợ giúp của

Thần Linh hay chỉ tập trung ý chí muốn hoàn thiện bản thân kết quả của hai phương pháp này vẫn giống nhau ở chỗ là làm cho sức sống tâm linh của mình trở nên mãnh liệt hơn thì phương pháp cầu nguyện Thần Linh trợ lực cũng là một hình thức nâng cao ý chí hoàn thiện và ngược lại tập trung ý chí hoàn thiện cũng là một hình thức thu hút sự trợ lực của Thần Linh qua luật giao cảm tự động.

Ấy là chỗ gặp nhau giữa các giáo pháp hay là lẽ thuận nhất trong biến đổi là chơn lý đó vậy. Đối với thể xác cũng thế, hễ ăn thì phải no, no là vì thức ăn đầy dạ dày, chẳng phải vì tiếng nói tôi ăn hay tôi nuốt. Hễ mình biết và tu hành thật sự thì đương nhiên tinh thần trở nên tinh tấn còn tranh luận về giáo pháp chỉ là kiến thức mà thôi. Cũng chẳng khác nào một người cầm tấm bản đồ trên tay cứ ngồi một chỗ học thuộc lòng từ tọa độ A -> B nhưng chân không bước đi thì chẳng bao giờ đến đích.

Do đó khi đã chọn một giáo pháp nào cần phải theo đuổi cho đến nơi đến chốn. Vị Giáo chủ nào cũng chỉ có mục đích là dạy cho con người làm lành lánh dữ mà thôi, và thủ tục minh thệ nhập môn trong Đạo Cao Đài là một sự ràng buộc cần thiết để giúp người tín đồ chế ngự phàm tánh cho dễ dàng đi đến đích sau cùng của đời tu là giải thoát.

LỜI KHẨN KHI HẤP HỐI

WỊ CHỨNG đàn đứng trước đầu bệnh nhân kêu tên người bệnh hấp hối đầu dứt hơi rồi cũng vậy.

“Tôi vâng lệnh Đức Chí Tôn đến tụng kinh cho linh hồn đạo hữu nhẹ nhàng siêu thăng tịnh độ, vậy đạo hữu phải tinh thần mà nghe và phải cầu nguyện Đức Chí Tôn ban ân lành cho.”

(TRÍCH KINH THIÊN ĐẠO VÀ THẾ ĐẠO)

Trường hợp người bệnh hấp hối là chức sắc kêu Thánh danh của người ấy. Đây là thủ tục thần quyền người cầu kinh, thốt ra lời nói hay chỉ khẩn trong tâm cũng được. Điều quan trọng là tinh thần phải nghiêm trang nghĩa là tập trung tư tưởng cao độ để hiện tượng trợ Thần xảy ra có hiệu quả nghĩa là Chơn Thần bệnh nhân phải nghe và hiểu được lời dặn.

Phải kêu tên bệnh nhân trước để họ chú ý đến lời nói của mình, trường hợp bệnh nhân đã tắt thở. Đây là thuật truyền âm giữa người sống và Chơn Thần người chết nên phải tuân thủ những qui luật sơ đẳng về thần quyền để việc cầu kinh hấp hối thật sự là một thiết dụng của chơn truyền tận độ của Đức Chí Tôn, khác hẳn với mê tín dị đoan.

Bí quyết trong phép độ hồn nói chung là nguồn năng

lực tinh thần của người cầu rồi phải tinh tấn nhưng hạng người này ở thế gian hãy còn quá ít trong khi người cầu được giúp đỡ lại quá nhiều. Những qui định của Hội Thánh trong Tân kinh buộc phải thiết lễ cúng Chí Tôn trước, rồi mới cầu hấp hối nhằm mục đích để các Đấng Thiêng Liêng trợ thần cho người sắp đọc kinh có thêm sức mạnh tâm linh, giúp đỡ hữu hiệu cho Chơn thần người chết định tinh được dễ dàng trong khi môi trường điển quang chung quanh thường thì rất hỗn loạn do sự xúc động của thân nhân người chết gây ra là chính hay do trạng thái nội tại của Chơn thần người chết đầy dẫy những ác nghiệp khiến họ hốt hoảng luyến tục hay hôn mê trong giờ phút vừa tắt thở.

Như vậy người cầu kinh phải chịu hao Thần nghĩa là mất năng lực sống tâm linh của mình một ít để truyền năng lực ấy cho vong linh người chết, giúp họ định tinh nhẹ nhàng rời khỏi thân xác.

Do đó càng có đông người tinh thần tốt đến thành tâm cầu nguyện Chơn thần người chết càng hưởng được nhiều ân huệ Thiêng liêng. Vì vậy buộc người chết khi còn sống phải đặc nhân tâm, gọi là đặc thế, để được nhiều người thương mến mình đến đọc kinh cầu nguyện một cách chân thành, trợ thần mình khi thoát xác và chúng ta nên nhớ rằng không có quyền lực nào buộc con tim của chúng sanh phải yêu thương mình khi mình không xứng đáng. Có đông người tốt tham dự đọc kinh cầu nguyện cũng giống như có nhiều cục pin ghép lại thì cường độ của dòng điện phát ra càng mạnh, sức truyền thần càng gia tăng, Chơn thần người chết càng hưởng được nhiều sự ân xá của Đức Chí Tôn.

Tóm lại bí quyết trong phép cầu hấp hối là ở đức độ, sự thành tâm và khả năng tập trung tư tưởng của người cầu rỗi.

Trường hợp ngược lại, nếu vì lý do thể tục nào đó, chẳng hạn quyền lợi chính trị, thông lệ xã giao, buộc người ta phải đến tham dự cầu hồn một cách nhiệt tình bề ngoài chẳng thật tâm, thì dù có đông bao nhiêu đi nữa, việc ấy chỉ có tác dụng tâm lý đối với người sống mà thôi. Phần Bí pháp trong chơn truyền tận độ của Đức Chí Tôn phải có đủ hiệu năng nâng đỡ sự thăng tiến của linh hồn người chết mới trọn vẹn ý nghĩa.

TANG LỄ

I- Ý NGHĨA SỰ CHẾT

Người tín đồ Cao Đài quan niệm rằng tất cả mọi hiện tượng diễn biến mọi tạo vật đã hình thành trong Vũ trụ trên dòng thời gian vô định đều phát xuất từ một nguồn sống duy nhất được con người gọi tên bằng nhiều danh hiệu khác nhau với tất cả lòng thành kính. Nguồn gốc sống ấy đầy khắp trong Vũ trụ bao la, sáng suốt tốt cùng, biết sáng tạo ra muôn loài vạn vật trong đó có con người.

Nguồn gốc sống linh diệu ấy người tín đồ Cao Đài sùng kính qua danh hiệu Đức Chí Tôn, có nghĩa là Đấng được tôn kính tốt cùng trong Vũ trụ. Đấng Tạo Hóa ấy sanh ra con người có hình thể, xương thịt và có linh hồn ngự trị bên trong để điều khiển khối vật chất ấy theo những qui luật gọi là PHÁP. Pháp là những qui luật vận hành trong vũ trụ: Pháp vận hành mới có biến đổi tạo ra sự sanh tử của kiếp người trong khoảng thời gian và không gian hữu hạn.

Chết là hiện tượng linh hồn rời khỏi thân xác vĩnh viễn để trở về nguồn gốc ban đầu của nó là Đấng Chí Tôn. Khi lập Đạo Cao Đài Đức Chí Tôn giảng cơ dạy rằng:

“Khi chưa có chi trong Càn khôn thế giới thì khi Hư vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái Cực”.

“Chi chi hữu sanh cũng do bởi Chơn linh Thầy mà ra,

hễ có sống ắt có Thấy. Thấy là cha của sự sống, vì vậy mà lòng háo sanh của Thấy không cùng tận”.

“Khai thiên địa vốn Thấy, sanh Tiên Phật cũng Thấy, Thấy đã nói một Chơn thần mà biến Càn khôn thế giới và cả Nhơn loại”.

Hoặc là:

“Bởi vậy một Chơn thần Thấy mà sanh hóa thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả Nhơn loại trong Càn khôn thế giới nên chi các con là Thấy, Thấy là các con.”

Vì vậy người tín đồ Cao Đài quan niệm rằng:

Con người có nguồn gốc từ Thượng Đế là Đấng Chí Tôn có bản thể và cấu tạo của một tiểu vũ trụ. Chết là lúc:

*“Hồn Trời hóa trở về Thiên cảnh
Xác đất sanh đến linh phục hồi”*

(KINH TẤN LIỆM)

Chết không phải là hết như nhiều người đã lầm tưởng. Chết là thay đổi trạng thái sống từ hình thức có thân xác đến hình thức không có thân xác. Hình thức sống nầy tiếp nối hình thức sống kia theo luật nhân quả nghĩa là khi còn mang xác phàm nếu con người biết tu hành, làm lành lánh dữ thì khi chết phần tinh anh cao cấp nhất của con người gọi là linh hồn sẽ tiếp tục sống trong trạng thái tốt gọi là Thần Thánh và ngược lại nếu con người làm điều ác, hung dữ thì khi chết linh hồn sẽ sống trong trạng thái xấu gọi là ma quỷ.

II- THỜ CÚNG TỔ TIÊN

Tục thờ cúng tổ tiên của con người là một biểu lộ của lòng tưởng nhớ đến cội nguồn. Cội nguồn của con người gồm hai phần, phần gần gũi thấy được trong kiếp sống là cha mẹ, ông bà đã sinh ra thân xác mình, phần xa xôi phải suy luận mới thấy được là Thượng Đế, ông cha chung của muôn loài vạn vật trong càn khôn vũ trụ này. Sau khi chết, phần xác của con người hư hoại, phần hồn vẫn tồn tại. Thờ cúng tổ tiên là để tỏ lòng biết ơn đối với linh hồn người quá cố, nó mang ý nghĩa một sự đền đáp lại món nợ mà mình đã vay của tiền nhân trên cả hai phương diện vật chất và tinh thần. Vì vậy trong Cao Đài giáo cái chết và đời sống của linh hồn con người sau khi chết có một ý nghĩa hết sức quan trọng và còn liên quan mật thiết đối với những thế hệ con cháu bởi sự ràng buộc của luật nhơn quả. Đức Chí Tôn dạy rằng:

“Các con là Thầy, Thầy là các con”.

Cùng một ý nghĩa đó có thể nói rằng:

“Con cháu là ông bà cha mẹ, ông bà cha mẹ là con cháu”.

Sự sống phần hồn của ông bà cha mẹ tốt hay xấu có thể điều chỉnh lại được phần nào bằng việc làm của con cháu. Con cháu biết tu hành, làm điều lành sẽ ảnh hưởng tốt đối với đời sống phần hồn của ông bà cha mẹ nơi cõi Thiêng liêng. Đó là ý nghĩa của câu kinh

“Thong dong cõi thọ nương hồn

Chờ con lập đức giúp huần ngôi xưa”

Câu kinh ấy là một lời dặn dò, an ủi hứa hẹn của con cháu đối với vong linh người vừa mới chết được long

trọng đọc lên trước linh cữu, trước sự chứng kiến của Thần linh và người sống tham dự tang lễ.

Tuy nhiên đó là cái Thể pháp của Đạo, phần Bí pháp là sự sống thực của tinh thần con cháu, có lập đức được hay không sau khi tang lễ ấy chấm dứt lại là một vấn đề khác. Một vấn đề đòi hỏi rất nhiều công đức của các thế hệ con cháu tiếp nối và sự hiểu biết sâu xa rành mạch về chơn truyền tận độ của Đức Chí Tôn, không thể nhầm lẫn với mê tín dị đoan được.

Chúng ta đã chứng kiến qua nhiều đám xác có biết bao đứa con đầu chít khăn tang sứt sùi ngấn lệ, tiếng khóc uất nghẹn trong khi tiếng cầu kinh của đồng nhi vang vang.

“*Chờ con lập đức giúp hườn ngôi xưa*” để rồi sau khi vùi xong năm xương tàn của người quá cố vào lòng đất lạnh, họ lại tiếp tục say đuổi theo mục đích giàu sang danh vọng, chẳng còn nghĩ gì đến việc lập đức cả. Người chết có khả năng biết được tư tưởng của người sống một cách dễ dàng và trong trường hợp đó vong hồn của ông bà cha mẹ vừa mới mất sẽ vô cùng đau khổ về sự hững hờ của con cháu đối với mình. Điều họ cần hơn hết là khí thanh và thần an là năng lực sống của người biết tu hành, có đức độ và con cháu họ đã không đáp ứng được nhu cầu này.

III- NGHI THỨC TANG LỄ

Bởi quan niệm rằng con người có xác và hồn, khi chết xác hư hoại nhưng hồn vẫn tồn tại nên các nghi thức áp dụng trong tang lễ của người tín đồ Cao Đài đặt trên căn bản một cuộc tiễn đưa linh hồn người quá cố đi qua một thế giới mới khác hơn cuộc sống trần tục của chúng ta.

Nội dung các bài kinh đọc trong suốt các diễn tiến của đám tang đều có cùng ý nghĩa là tỏ lòng thương tiếc, biết ơn đối với người đã chết, dọn dò vong linh đường luyện tục, luôn luôn hướng về nguồn cội của linh hồn là Thượng Đế để được thăng lên cõi giới an nhàn cực lạc. Những người thân trong gia đình và bạn bè của người chết tập trung cầu nguyện cho linh hồn người chết được nhẹ nhàng siêu thoát qua lời kinh cầu siêu. Đó là một phương pháp truyền năng lực sống tâm linh (gọi tắt là truyền thần) cho vong linh vừa rời khỏi thân xác cho họ thêm sức sống trong cõi giới mới này, chẳng khác nào chúng ta tặng quà cho người đi xa vậy. Các bài kinh ấy gồm có:

- Kinh cầu hồn khi hấp hối và chết rồi
- Kinh tấn liệt
- Kinh cúng tế của người thân trong gia đình (vợ tế chồng, chồng tế vợ, con tế cha mẹ, em tế anh)
- Kinh cầu tổ phụ đã qui liêu.
- Kinh cúng tế của thân bằng quyến thuộc

Đặc biệt đối với người làm nghề dạy học, các học trò cũ sẽ đọc bài kinh tế Thầy, ca ngợi công ơn của vị Thầy đã dạy dỗ mình nên danh phận với đời.

- Kinh cầu siêu
- Kinh đưa linh cữu đến nơi an táng
- Kinh hạ huyệt.

Việc đọc kinh trong tang lễ của người tín đồ Cao Đài hoàn toàn tự nguyện, do đồng nhi thực hiện, người tham dự có thể cùng đọc theo hay lắng nghe hòa tâm ý của mình vào lời kinh cũng được.

IV- PHÉP ĐỘ THĂNG

Trong các nghi thức tang lễ của người tín đồ Cao Đài, phép độ thăng là phần sinh hoạt cao cấp nhất thuộc lãnh vực huyền linh và rất khó thực hiện. Trước nhất nó đòi hỏi người chết phải có một đời sống tu hành tối thiểu là giữ được giới luật 10 ngày chay mỗi tháng một cách nghiêm chỉnh và thứ đến phải có chức sắc được thọ truyền bí pháp độ thăng có đủ quyền năng linh hiển mới thực hiện được. Vì chức sắc hành pháp phải truyền vào vong linh người chết một làn khí thanh và thần lực đầy an tĩnh, thoát tục, lấy từ năng lực tinh thần của chính mình và số người tham dự cầu siêu có thành tâm và có đời sống tu hành tương đối tốt. Trong phút chốc vong linh người chết cảm thấy mình được nhẹ nhàng thanh thoát và sáng suốt hơn trạng thái sống trước đó. Đây là sự thay đổi trạng thái tâm linh của Chơn thân người chết nhờ vào tha lực. Dĩ nhiên phải có Thần linh giáng ngự trên Chơn thân và thể phách của vị chức sắc hành pháp để hỗ trợ cho động tác độ thăng được linh hiển. Người hành pháp phải có đủ công đức mới điều động nổi khối điển quang của Thần linh và khối người cầu siêu giúp đỡ hữu hiệu cho vong linh.

Phương pháp này chỉ là sự giúp đỡ một phần nào cho vong linh người chết được nhẹ nhàng siêu thoát, chớ tự nó không phải là một phép mầu xóa bỏ được tất cả mọi tội tình oan nghiệt trong kiếp sanh của kẻ ấy. Hành trang mà chơn thân người chết mang theo là nghiệp quả của kiếp sống họ đã nghĩ và hành động theo hướng nào hoặc thiện hoặc ác, giờ đây họ phải gánh chịu, không thể

chối bỏ được.

Thăng hay đọa là kết quả của cả kiếp người. Làm phép xác, cắt dây oan nghiệt, độ thăng là giúp thêm sức cho Chơn thần dễ dàng thăng tiến cũng ví như một khách lữ hành đi tới ngã ba đường đang khát nước, được giúp một bát nước cho mát dạ, còn sự đói no ấm lạnh của họ trong suốt cuộc hành trình là do túi hành trang, lương thực mà họ mang theo đây hay vơi.

V- TUẦN CỨU CÚNG GIỖ

Thể thức độ phần hồn cho các vong linh được tiếp nối trong vòng 581 ngày sau khi chết tuần tự diễn biến như sau:

Cứ cách 9 ngày một lần gia đình thân nhân người chết mang linh vị đến Thánh Thất để tụng kinh tiếp tục cầu nguyện cho vong linh được nhẹ nhàng siêu thoát từ Tuần cứu thứ nhất đến Tuần thứ chín kéo dài trong 81 ngày. Sau đó ngưng lại trong 200 ngày đến Tiểu tường và sau Tiểu tường 300 ngày là Đại tường.

Các bài kinh đọc trong 9 Tuần cứu, Tiểu và Đại tường đều khác nhau, nội dung mô tả sự thăng tiến của linh hồn đến các cõi giới ngày càng thanh cao hơn.

Việc đọc kinh hàm ý nhắc nhở linh hồn người chết biết mình sắp được hưởng ân huệ gì trên con đường trở về cội vị. Dĩ nhiên ân huệ ấy được mô tả theo ngôn ngữ trần gian. Còn cảnh giới tâm linh, trạng thái sống không hình xác chắc hẳn có nhiều điều khác với trí người tưởng tượng.

Cách thức cúng tế, đọc kinh Tuần cứu, Tiểu và Đại tường có chỉ dẫn rõ ràng trong quyển kinh Thiên Đạo và

Thế Đạo do Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh phổ biến

Sau lễ Đại tường chấm dứt thời gian thọ tang của con cháu đối với người chết. Thông thường lễ Đại tường được tổ chức trọng thể hơn Tiểu tường và các Tuần cửu. Từ đó trở đi gia đình tổ chức cúng giỗ hàng năm vào ngày chết để kỷ niệm.

Ý nghĩa việc cúng tế vong linh người chết có hai vấn đề rõ rệt:

– **Phần hữu hình** là để con cháu bày tỏ lòng biết ơn kính trọng đối với tiền nhân và cầu xin cho linh hồn được siêu thoát.

– **Phần vô hình** là để thực hiện chơn truyền tận độ của Đức Chí Tôn. Bí quyết trong việc độ hồn là nguồn năng lực sống tinh thần của người cầu rỗi phải tinh tấn. Quyền lực của các Đấng Thiêng liêng cao cả sẽ giúp di chuyển tính chất tinh tấn này truyền đến các vong linh nặng nề ô trược, chẳng những giúp di chuyển mà các Ngài còn cho thêm trong đó để làm giảm bớt tính nặng nề ô trược kia.

Vì vậy luật công bình Thiêng liêng đòi hỏi ở con cháu người chết phải biết tu thân lập đức để phần Khí và Thần trong nội thân họ trở nên thanh cao, Thánh thiện và nhờ đó qua lời cầu nguyện, tính thanh cao Thánh thiện ấy được truyền đến người chết đặng bù đắp vào chỗ khiếm khuyết của vong linh.

Nói cho dễ hiểu hơn buổi sống chẳng may ông bà cha mẹ thiếu tu, kém đức nên vong linh còn nặng nề luyến tục thì nay con cháu phải tu thân lập đức đặng lấy công

đức của mình mà dâng hiến, bù vào cho ông bà cha mẹ. Nếu không chịu lập đức nghĩa là bản thân con cháu còn thiếu đức thì lấy đức nơi đâu mà dâng hiến? Còn sự cầu nguyện lời kinh tiếng kệ chẳng qua là phương pháp gợi đi, truyền chuyển công đức mà thôi, cũng ví như sợi dây nối giữa người sống và người chết. Lấy chuyện nhỏ thế gian mà ví, muốn cho ai tiền mình phải có tiền mới cho được, không có tiền lấy gì mà cho, dầu muốn cũng không được.

Tóm lại, con cháu phải lập đức mới có đức để giúp ông bà cha mẹ «*huần ngôi xưa*» được.

Chơn thần người chết cần có được tình trạng

“Khí trong trẻo dường như băng tuyết

Thần im đìm dường nét Thiếu quang

Xa chừng Thế giới Địa hoàn

Cõi Thiên đẹp thấy nhẹ nhàng cao thẳng”

(KINH ĐỆ NHỊ CỬU)

Và hẳn nhiên, mâm cao cỗ đầy, rượu ngon, bánh lạ, hoa quả hương thơm chất đầy trên bàn thờ chỉ là chuyện của trần gian do chút lòng tưởng nhớ, hiếu hạnh mà bày bố ra thôi!

KẾT LUẬN

WÀI SINH hoạt mô tả như trên đây không đủ để nói lên hết ý nghĩa của đời sống một tín đồ Cao Đài. Tuy nhiên nó cũng giúp cho độc giả nhất là các bạn đạo mới bước chân vào ngưỡng cửa tôn giáo hiểu được phần nào nhân sinh quan Cao Đài giáo.

Dù mang sắc thái nào, vai trò của tôn giáo thế gian vẫn mưu cầu một đời sống công bằng, ấm no, hạnh phúc, thanh bình cho mọi người. Khát vọng sâu xa ấy thể hiện rõ rệt nhất trong những sinh hoạt thường nhật của người tín đồ. Thoạt tiên là những lời cầu nguyện chân thành thường xuyên dâng lên Đức Chí Tôn mỗi khi cúng tế tại Đền Thánh, Thánh Thất hay tư gia. Rồi đến những hành động cụ thể hơn từ việc giáo dục đời sống hôn nhân cho thanh niên nam nữ, huấn luyện trẻ con, cho đến việc hướng dẫn người lớn sống với nghĩa nhân, nuôi dưỡng tinh thần dân tộc, bảo vệ giống nòi, phát triển tình giao hảo quốc tế trên căn bản đại đồng huynh đệ, lấy tình thương thay cho thù hận, nhìn nhau là anh em ruột thịt cùng một gốc sinh ra.

Nguồn gốc ấy phải thật linh thiêng, quyền phép đáng kính, đáng trọng, đáng tôn sùng hơn hết mọi sự nên gọi là “CHÍ TÔN”.

Và một khi đã đặt mình trong mối tương giao Trời người hiệp nhất thì đời sống con người trở nên phong phú, sinh động vô cùng. Tâm trạng chán nản, bơ vơ, lạc lõng của người luôn thấy cuộc đời vô nghĩa là dấu hiệu nghèo nàn của những tâm hồn đã quên mất cội nguồn Thiêng liêng ấy nên mới chuyên chú xây dựng một thứ hạnh phúc trên bụi trần làm đảo điên thiên hạ.

Ước gì mọi người đều rõ biết mọi lẽ ẩn vi trong các sinh hoạt thường nhật của đạo giáo, năng thuyết năng hành thì đạo giáo sẽ là vị thuốc thần hiệu chữa bệnh cho loài người vậy. ■

PHỤ LỤC

- **SƠ LƯỢC TIỂU SỬ NGUYỄN LONG THÀNH (1942–1998)**
 - 1. Phần xã hội
 - 2. Phần Đạo
 - 3. Phần tâm linh
- **HIỂN TÀI NGUYỄN LONG THÀNH (1942–1998)**

VÀI NÉT SƠ LƯỢC TIỂU SỬ NGUYỄN LONG THÀNH (1942–1998)



ÔNG NGUYỄN LONG THÀNH sinh ngày mồng 08 tháng 02 Âm lịch, năm Nhâm Ngọ, nhằm ngày thứ ba 24 tháng 03 Dương lịch năm 1942 (trong khai sinh ghi ngày sinh là 29-03-1942) tại làng Long Phụng, Quận Cần Giuộc, Tỉnh Long An.

Là con trai thứ trong gia đình làm nghề nông, thân phụ là ông Nguyễn Văn Kiến (sinh 1913), từ mẫu là bà

Phan Thị Vi (sinh năm 1914).

- Năm 1949 – 1954 học sinh Trường Tiểu Học Rạch Núi, Cần Giuộc, Long An.
- Năm 1954 – 1958 học sinh Trường Tư Thục Tấn Thành, Xã Long An, Cần Giuộc.
- Năm 1958 trúng tuyển vào Trường Công Lập Petrus Ký, đỗ tú tài toàn phần năm 1961.
- Năm 1961 – 1963 sinh viên Đại Học Văn Khoa Saigon.
- Năm 1963 – 1965 làm thư ký thống kê thuộc Bộ Y Tế Saigon.

Năm 1964, phát tâm ngộ Đạo, nhập môn vào Đạo Cao Đài ngày Mồng 06 tháng 02 năm Giáp Dần (dương lịch 19.03.1964) tại Thánh Thất Đô Thành (891 Trần Hưng Đạo – Saigon). Sau đó đã mạnh dạn tham gia Ban Chức Việc phẩm Thông Sự. Điều đáng nói là ở tuổi thanh niên thuộc giới trí thức lại sớm khả ngộ tâm linh, nhiệt tình tham gia Đạo sự với bộ áo dài trắng, khăn đóng đen đi lại giữa chốn phồn hoa đô hội ở đất Sài Thành.

Năm 1965, trúng tuyển vào trường Đại Học Sư Phạm Saigon (ban Anh Văn “*khóa cấp tốc*”), năm 1966 thi tốt nghiệp đỗ hạng ba, được quyền ưu tiên chọn trường dạy học, thay vì chọn điểm gần nhà tại Saigon, tâm linh lại hướng về Đất Thánh, Long Thành đã chọn trường Trung Học Tây Ninh làm điểm đến, vì nơi đây vừa làm nhà giáo, vừa đúng ý nguyện làm môn đệ Đức Chí Tôn, vì ở gần Tòa Thánh. Khi đó ông đã sáng tác một bài thi gần như dự báo cho cuộc đời phụng sự:

Đường về Thánh Địa lăm chông gai,

*Nhọc khách làng văn bước dậm dài!
Chí quyết đem thân nâng nghiệp cả,
Lòng đà phủi sạch mộng cân đai.*

*Cân đai phủi sạch đến rừng thiên,
Trực chỉ Thánh Tòa mộng thấy Tiên.
Ngoài ngõ xôn xao tuồng bộn tục,
Trong Đền rộn rã trống cùng chiên.*

*Trống chiên rộn rã khúc tiêu thiếu,
Giục khách phàm trần cất tiếng kêu.
Thầy hỏi! Quì đây con đợi lệnh,
Chẳng hay Đạo sự ít hay nhiều?*

*Ít nhiều con phải quyết làm xong,
Ngặt nổi anh em chẳng một lòng.
Đứa trí hiệp ngu hiền chịu thiệt,
Đem thân phụng sự biết tròn không?*

Và ông đã chọn con đường phụng sự suốt cuộc đời ông. Tại trường học ông là một nhà giáo mẫu mực, làm tròn chức năng là một nhà mô phạm, thường xuyên nâng đỡ các con em học sinh hiếu học. Trên đường Đạo ông là một hiền giả đi tìm chân lý.

Cuộc sống thầm lặng trôi qua, bỗng vào một hôm thượng tuần tháng 02 Dương lịch năm 1967, ông thấy Thiên Nhân hiện sáng lòe trong giường ngủ bốn lần trong đêm. Sáng hôm sau ông thuật lại cho ông Giáo Hữu Thượng Tý Thanh, hỏi như vậy là thế nào? Và được ông

Giáo Hữu Thượng Tý trả lời là theo kinh nghiệm tâm linh và sự hiểu biết thì Long Thành được Đức Chí Tôn điểm Đạo giao cho sứ mạng bí truyền để phổ độ chúng sanh.

Quả thật vậy, từ đó ông ăn chay trường, sống độc thân suốt đời, đặt toàn tâm toàn ý vào con đường phụng sự chúng sanh. Ông đạt được phép thông công bằng cách giáng tâm, thường xuyên nghe được lời hướng dẫn giáo hóa của Đức Lý Đại Tiên, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và các Đấng trọn lành. Việc trước tiên là ông được dạy phải đọc kỹ và tìm hiểu rõ nét hai cuốn sách: Pháp Chánh Truyền và Tân Luật. Ông lấy trí phàm phân tách và hỏi mục đích yêu cầu của công việc này, thì được trả lời để việc làm và lời nói sau này không sai phạm nên Chơn Giáo ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ. Tiếp theo là ông bị bắt buộc phải học thuộc kinh Thiên Đạo và Thế Đạo, ông hỏi vậy để làm gì? Trả lời: Để thử ý chí quyết tâm của con người ông có quyết tâm đi trên con đường Đạo hay không? Thế là ông vừa dạy học ngoài đời, lại còn vừa học Kinh lễ, ông không nản chí và đã học thuộc tất cả các bài Kinh trong suốt một tháng để trả bài cho các Đấng. Nghĩ cũng lạ thường, nếu không phải là một bậc căn tu ắt dễ ngã lòng nản chí, ngược lại ông là một học trò siêng năng của các Đấng Thiêng Liêng.

Sau khi được điểm đạo, bề ngoài ông vẫn là một người bình thường, nhưng trong tâm linh ông là một đồng tử (medium) thường trực của các Đấng trọn lành. Cái hay của ông là luôn giữ mức quân bình giữa thân trí và xác thân. Vì vấn đề thông công nhập thể, có thể làm cái trí con người không bình thường trong đời sống hằng ngày, có khi trở nên ngớ ngẩn tạm gọi là bị “mát”, nhưng

trái lại Long Thành vẫn vững tiến trên con đường Thiên cơ đã vạch sẵn.

Dù đạt được một trình độ tâm linh tiến hóa, nhưng bản tánh vẫn ôn nhu, hòa ái, luôn luôn khiêm tốn, suốt đời chưa thấy ông phiền giận một ai. Việc này, nhiều người sống gần hoặc từng tiếp xúc đều biết rõ. Quả thật, Long Thành xứng đáng là một đệ tử chân truyền của Đức Chí Tôn. Ông đã độ được tất cả anh chị em trong gia đình nhập môn vào cửa Đạo và hướng tâm thức một số người đã từng gặp ông chấp thuận làm môn đệ Thượng Đế, tu hành theo đường chánh giáo Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Và điểm đặc biệt là ông vui lòng chấp nhận nhân quả của bản thân không lời than oán!

Vào ngày 01 – 12 – 1976 ông bị câu lưu hơn 4 năm tại các trại: B4, Cây Cây và trại cải tạo Bàu Cỏ đến ngày 2–4–1981 được trả tự do, ông vẫn tiếp tục ở lại Tòa Thánh tu hành cho đến ngày trở về Thiêng liêng vị. Suốt thời gian bị thử thách, vẫn một lòng giữ vững đức tin với Thượng Đế, vẫn ăn chay trường và tiếp tục phát triển tâm linh.

Con đường phụng sự của Nguyễn Long Thành có thể chia ra thành ba phần rõ rệt:

1. PHẦN XÃ HỘI:

- Làm tròn chức năng nhà giáo đối với con em học sinh.
- Âm thầm cứu trợ, cấp tế cho người cùng khổ.

2. PHẦN ĐẠO:

- Mật công truyền: Thuyết trình các đề tài Đạo

Giáo tại văn phòng Khảo Cứu Vụ Tòa Thánh Tây Ninh nhằm làm sáng danh nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

- Tổ chức các khóa dạy giáo lý Đạo Cao Đài cho con em học sinh tại trường Đạo Đức Học Đường và Lê Văn Trung, nhằm mục đích dạy cho học sinh tiểu học rõ phần Thể pháp và Bí pháp của Đạo, để trong tương lai các em có thể định hướng tâm linh của chính mình trên đường nhập thế.
- Viết sách Đạo: Với mục đích đóng góp thêm những viên ngọc quý cho kho tàng tâm linh của nền Chơn Giáo, từ những năm 1971 đến năm 1998, Nguyễn Long Thành đã lần lượt cho ra đời 12 tác phẩm về Đạo Cao Đài như sau:
 - Con đường của người Đệ Tử Cao Đài (đã được chính tác giả dịch sang Anh ngữ)
 - The Path of Cao Đài Disciple
 - 24 giờ Đạo.
 - Danh hiệu và tiêu chuẩn lập pháp Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.
 - Thánh Ngôn yếu lược.
 - Đời sống người Tín đồ Cao Đài.
 - Quan niệm tu chơn.
 - Nhìn lại 50 năm lịch sử Đạo Cao Đài.
 - Luận Đạo Sư Tập.
 - Thánh Ngôn tuyển tập.
 - Đường vào cõi tục.
 - Đời người.
 - Bí pháp.

3. PHẦN TÂM LINH:

Nâng đỡ tâm thức cho những ai có tâm hồn đạo đức được may duyên gặp gỡ trong lúc ông còn sanh tiền. Có người sau vài lần luận Đạo với ông đã được khả ngộ về tâm linh.

Về phương diện tinh thần, Nguyễn Long Thành là một phú ông tâm linh, trái lại về mặt vật chất là một người nghèo đúng nghĩa.

*Một mình một bóng giữa đêm đông,
Khép kín tư phòng để trống không,
Không, không tất cả đều không cả,
Không cả cuộc đời Đạo pháp thông.*

NGUYỄN LONG THÀNH

Đời sống vật chất của ông gần như không có gì tư riêng, ngoại trừ một vài bộ đồ đổi thay, ở tạm nhà một bà chị kết nghĩa, nhưng ông có một kho báu vô cùng to lớn đó là: “*Cái vịnh cứu của tâm linh*”.

Lúc 15 giờ ngày 19 tháng 4 Âm lịch năm Mậu Dần (14-5-1998) Nguyễn Long Thành đã thanh thản ra đi trở về cõi vĩnh hằng.

Dù biết rằng đời là cõi tạm, nhưng sự ra đi của ông đã để lại nhiều nỗi tiếc thương cho bao lũ khách còn đang bôn ba trên đường qua bến tục.

Thánh Địa Tây Ninh

Năm 2008 (Mậu Tý)

Kỷ niệm 10 năm sau ngày Long Thành thoát tục.

HIỂN TÀI NGUYỄN LONG THÀNH (1942–1998)

Ngày sinh: 29-03-1942 (8-2- Nhâm Ngọ)

Nơi sinh: Long Phụng, Cần Giuộc, Long An.

Thân phụ: Nguyễn Văn Kiến

Thân mẫu: Phan Thị Vĩ

Nhập môn vào Đạo Cao Đài: 6-2-Giáp Thìn (dl 19-3-1964) tại Thánh Thất Đô Thành (Sài Gòn), đến năm 1966 được bốn Đạo cử lên làm Thông Sự ở Quận 2, và Hiến Tài Khóa II

HỌC VẤN: Tốt nghiệp Đại học Sư Phạm Cấp Tốc ban Anh Văn, được bổ nhiệm làm giáo sư Anh Văn tại trường Trung Học Tây Ninh 19-6-1966.

Trong thời gian này ông nghiên cứu giáo lý Đạo Cao Đài, tham gia giảng dạy giáo lý cho học sinh tại Đạo Đức Học Đường và trường Trung Học Lê Văn Trung, đồng thời bắt đầu viết sách về đề tài: Tìm Hiểu Giáo Lý Cao Đài (12 tác phẩm).

Từ 1-12-1976 đến 20-4-1981, ông bị giam tại khám đường Tây Ninh và Bàu Cỏ.

Sau khi được trả tự do, sức khỏe ông rất kém, chỉ nằm nhà dưỡng bệnh. Tuy thể xác đau yếu, nhưng đời sống tâm linh rất phong phú, được các Đấng Thiêng Liêng mặc khải cho biết nhiều điều và làm nhiều việc.

Đức Hộ-Pháp có cho ông bốn câu thơ:

*Thuyền Đạo giờ đây vắng bóng Thầy,
Đàn em Chúc sắc cũng buồn lây,
Đỡ nâng nghiêng ngửa trong đôi lúc,
Dụng đồ THÀNH LONG nhắc ý Thầy.*

Nguyễn Long Thành qui liễu 19-4-Mậu Dần (dl 14-5-1998), được đưa vào Khách Đình trong Nội ô Tòa Thánh để làm lễ tang, hưởng 57 tuổi.

Nguyễn Long Thành từ ngày ngộ Đạo, chí quyết hy sinh phụng sự cho Đạo pháp, cho nhân sanh, không lập gia đình, không nhà cửa, không tài sản, tất cả đều không.

*Một mình một bóng giữa đêm đông,
Khép kín tư phòng để trống không.
Không, không, tất cả đều không cả,
Không cả cuộc đời Đạo pháp thông.*

ĐỜI SỐNG CỦA NGƯỜI TÍN ĐỒ
CAO ĐÀI

SOẠN GIẢ: Hiền-Tài NGUYỄN LONG THÀNH